

**BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5544/CAT-PV01

Bình Định, ngày 25 tháng 12 năm 2024

V/v phổ biến, quán triệt các TCCS
ban hành kèm theo Quyết định

Kính gửi: Công an các đơn vị, địa phương.

Thực hiện Công văn số 5527/V04-P2 ngày 05/12/2024 của Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an về việc phổ biến, quán triệt các Tiêu chuẩn cơ sở của Bộ trưởng Bộ Công an (TCCS) kèm theo Quyết định: Quyết định số 1120/QĐ-BCA ngày 29/02/2024, Quyết định số 6477/QĐ-BCA ngày 05/9/2024 và Quyết định số 7179/QĐ-BCA ngày 02/10/2024 ban hành kèm theo 04 TCCS, gồm: “*Quả cầu chiếu sáng chiến thuật; Súng bắn đạn đa năng 38 mm; Đạn cao su, đạn cay 10,5 mm; Cửa buồng giam- Phần 1: Cửa đi*”.

Công an tỉnh sao gửi Quyết định số 1120/QĐ-BCA, Quyết định số 6477/QĐ-BCA, Quyết định số 7179/QĐ-BCA (qua mạng nội bộ) để Công an các đơn vị, địa phương nghiên cứu triển khai thực hiện; nếu có vướng mắc liên hệ về Công an tỉnh (qua Phòng PV01) để hướng dẫn, thống nhất thực hiện.

Đề nghị Công an các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- Trang TTĐT CAT (PV01);
- Lưu: VT, PV01 (PC và QLKH).

**TL. GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Thượng tá Hồ Minh Tuấn

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1120 /QĐ-BCA

Hà Nội, ngày 29 tháng 2 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Tiêu chuẩn cơ sở của Bộ Công an

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06/8/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Thông tư số 42/2021/TT-BCA ngày 19/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở trong Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 13/2023/TT-BCA, ngày 03/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2020/TT-BCA ngày 10/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành tiêu chuẩn, định mức trong CAND; Thông tư số 42/2021/TT-BCA, ngày 19/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở trong Công an nhân dân; Thông tư số 111/2021/TT-BCA, ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về xây dựng, ban hành; kiểm tra, xử lý; rà soát, hệ thống hóa; hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật trong Công an nhân dân;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an tại Công văn số 594/V04-P2 ngày 15/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Tiêu chuẩn cơ sở của Bộ Công an (TCCS) sau đây:

TCCS 126: 2024/BCA Quả cầu chiếu sáng chiến thuật

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an và Công an các đơn vị, địa phương, các cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ky*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Công an các đơn vị, địa phương;
- Lưu: VT, V04(P2). *ky*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trung tướng Lê Quốc Hùng

CÔNG AN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: *19* /SY-CAT-PV01

Nơi nhận:

- Công an các đơn vị, địa phương;
- Lưu: PV01(Pháp chế và QLKH).

SAO Y

Bình Định, ngày *25* tháng 12 năm 2024

**TL. GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Thượng tá Hồ Minh Tuấn

TCCS

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA BỘ CÔNG AN

TCCS 126: 2024/BCA

Ban hành lần thứ nhất

QUẢ CẦU CHIẾU SÁNG CHIẾN THUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1120/QĐ-BCA ngày 29 tháng 02 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Công an)

Hà Nội - 2024

Lời nói đầu

Tiêu chuẩn cơ sở của Bộ Công an TCCS 126: 2024/BCA do Ban biên soạn tiêu chuẩn được thành lập theo Quyết định số 34/QĐ-H09-P4 ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Viện trưởng Viện Khoa học và công nghệ - Bộ Công an biên soạn, Bộ Công an ban hành.

Tiêu chuẩn cơ sở của Bộ Công an TCCS 126: 2024/BCA được ban hành kèm theo Quyết định số: 1120/QĐ-BCA ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an để thống nhất áp dụng. ✓

Quả cầu chiếu sáng chiến thuật

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định về phân loại, cấu tạo và nguyên lý hoạt động, yêu cầu kỹ thuật, thử nghiệm, ghi nhãn, bao gói, bảo quản, vận chuyển và tổ chức thực hiện đối với Quả cầu chiếu sáng chiến thuật.

2. Đối tượng áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng đối với Công an các đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan đến mua sắm, nhập khẩu, sản xuất, sử dụng Quả cầu chiếu sáng chiến thuật trong Công an nhân dân.

3. Tài liệu viện dẫn

- TCVN 4255:2008 Cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài (Mã IP).
- TCVN 11843:2017 CIE S 25:2015 Bóng đèn LED, đèn điện LED và mô đun LED - Phương pháp thử.
- TCVN 11844:2017 Đèn LED - Hiệu suất năng lượng.
- TCVN-AN 018 : 2012 Kho tổng hợp trong Công an nhân dân - Yêu cầu chung.

4. Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

4.1. Quả cầu chiếu sáng chiến thuật là thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hình dạng giống quả cầu có gắn các đèn phát sáng, có thể chớp nháy để chiếu sáng khu vực và đánh lạc hướng, làm lóa mắt đối tượng hoặc gắn các đèn phát tia hồng ngoại hỗ trợ thiết bị quan sát ban đêm hỗ trợ tác chiến trong các khu vực không có ánh sáng phục vụ công tác đấu tranh, bắt giữ tội phạm, giải cứu con tin của lực lượng thực thi pháp luật.

4.2. Lô sản phẩm là tập hợp Quả cầu chiếu sáng chiến thuật có cùng kiểu dáng, tính năng, chất lượng và được sản xuất trên cùng dây chuyền công nghệ, trong cùng một khoảng thời gian nhất định.

4.3. Lô hàng là tập hợp Quả cầu chiếu sáng chiến thuật được xác định về số lượng, có cùng nội dung ghi nhãn, đặc tính kỹ thuật do một cá nhân, tổ chức sản xuất, nhập khẩu tại cùng một địa điểm được phân phối, tiêu thụ trên thị trường.

4.4. Mẫu thử là số lượng Quả cầu chiếu sáng chiến thuật được lấy ngẫu nhiên trong lô sản phẩm, hàng để thử nghiệm.

4.5. Thử nghiệm là thao tác kỹ thuật nhằm xác định một hay nhiều đặc tính của sản phẩm, hàng hóa theo một quy trình nhất định.

4.6. Đo thông thường là phép đo thực hiện bằng các dụng cụ đo được sử dụng rộng rãi trong đời sống, sản xuất để đo kích thước, khối lượng, dung tích.

4.7. Điốt phát quang (light-emitting diode – LED) là linh kiện bán dẫn sử dụng lớp tiếp giáp p-n, phát bức xạ quang không kết hợp khi bị kích thích bởi dòng điện.

4.8. Đèn LED là nguồn sáng dựa trên công nghệ LED tích hợp một hoặc nhiều chip LED, có thể bao gồm các thành phần khác về quang, nhiệt, cơ và điện.

4.9. Giá trị danh định là giá trị định lượng của một đặc tính của bóng đèn LED trong điều kiện làm việc cụ thể do nhà sản xuất quy định.

4.10. Quang thông là đại lượng để đo công suất bức xạ ánh sáng, là tổng lượng ánh sáng đèn LED phát ra trong 1 giây theo mọi hướng chiếu sáng.

4.11. Hiệu suất năng lượng là tỷ số giữa quang thông ban đầu và công suất đo được.

4.12. Điện áp ngưỡng là giá trị điện áp nhỏ nhất đảm bảo an toàn cho pin hoạt động bình thường do nhà sản xuất quy định.

4.13. Dung lượng danh định C_3 là dung lượng của pin (đơn vị Ah) ở chế độ 3 giờ đặc trưng cho khả năng tích điện của pin sạc, khi pin sạc phóng điện với dòng điện $I_3 = C_3/3$ (A) từ khi được nạp đầy cho đến khi điện áp đo trên hai điện cực của pin (điện áp của pin) giảm đến giá trị điện áp ngưỡng.

5. Phân loại

Quả cầu chiếu sáng chiến thuật gồm có 03 loại:

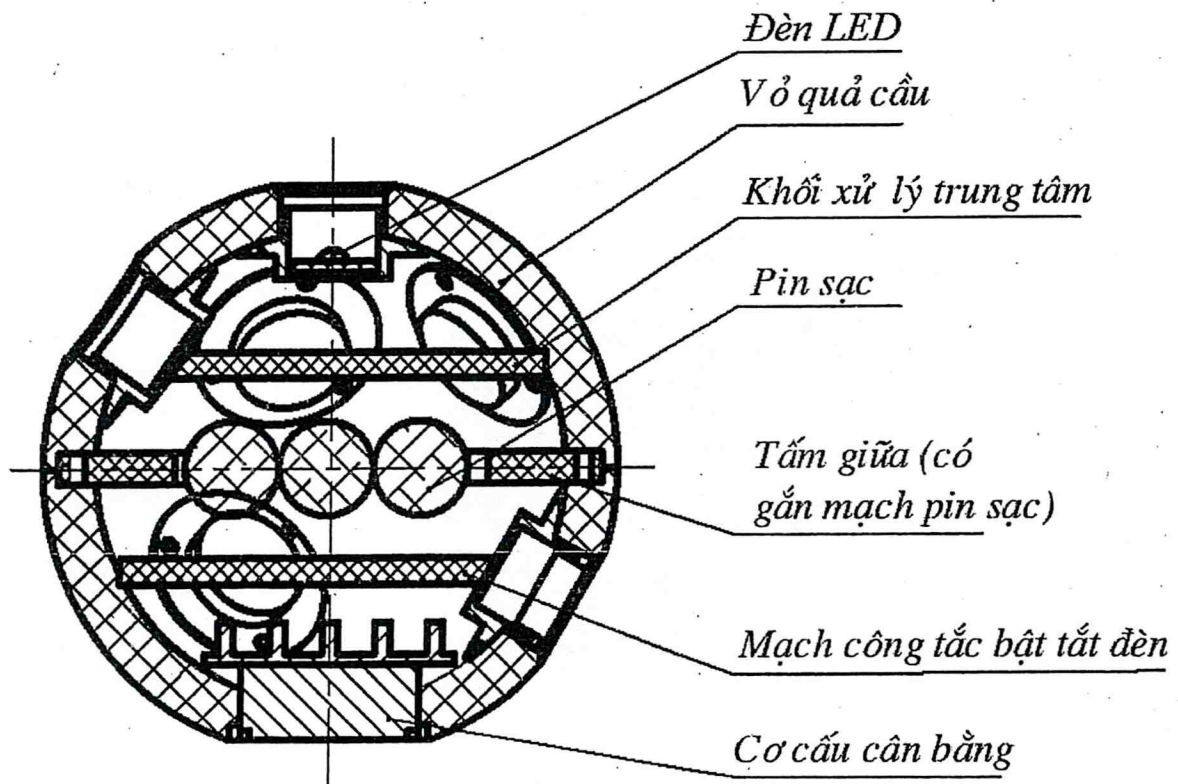
- Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ánh sáng trắng,
- Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ánh sáng xanh lá (green),
- Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại.

6. Cấu tạo và nguyên lý hoạt động

6.1. Cấu tạo

6.1.1. Cấu tạo của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ánh sáng trắng

Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ánh sáng trắng cấu tạo từ các bộ phận chính: Vỏ quả cầu, các đèn LED phát ánh sáng trắng bố trí cách đều nhau trên quả cầu, khối xử lý trung tâm, pin sạc, mạch sạc, cơ cấu cân bằng, mạch công tắc bật tắt đèn bằng cơ cấu hẹn giờ hoặc bằng điều khiển từ xa (xem Hình 1). Đối với Quả cầu chiếu sáng chiến thuật điều khiển từ xa còn có thêm bộ điều khiển bật tắt đèn từ xa. 



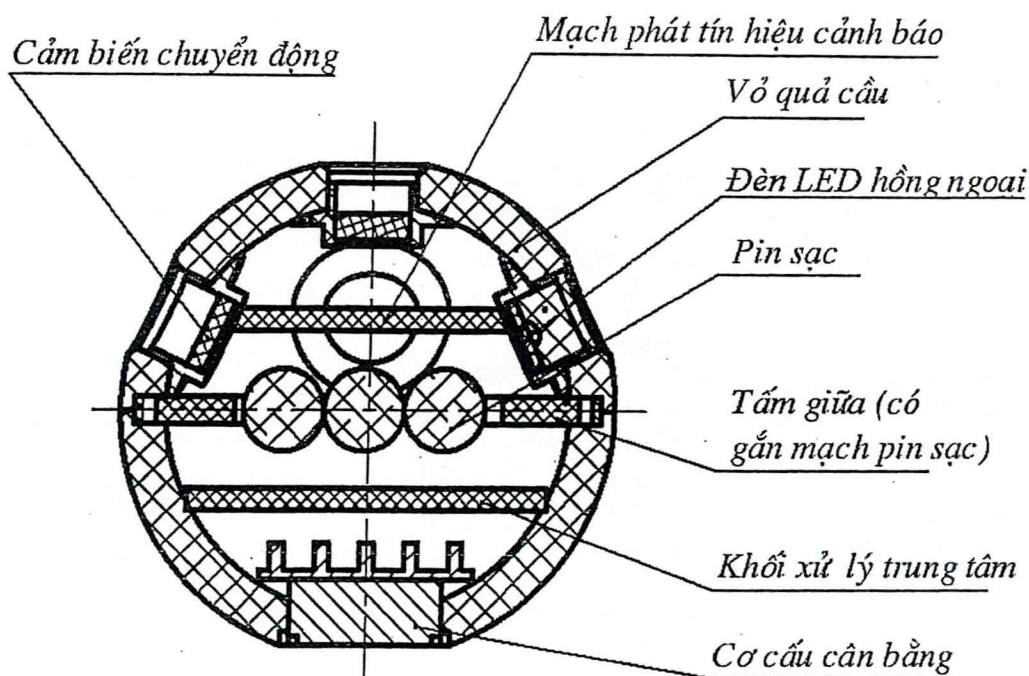
Hình 1 - Sơ đồ cấu tạo Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ánh sáng trắng

6.1.2. Cấu tạo của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ánh sáng xanh lá

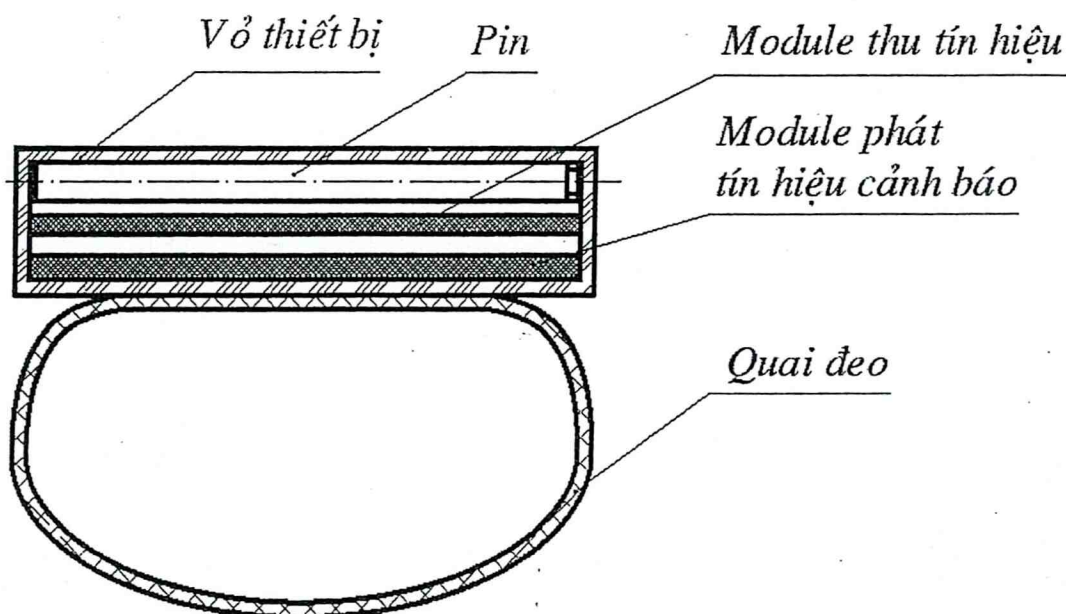
Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ánh sáng xanh lá có cấu tạo giống như Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ánh sáng trắng nhưng các đèn LED phát ánh sáng màu xanh lá (green).

6.1.3. Cấu tạo của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại

Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại cấu tạo từ các bộ phận chính: Vỏ quả cầu, các đèn LED phát hồng ngoại bố trí cách đều nhau trên quả cầu, cảm biến chuyển động, khối xử lý trung tâm, pin sạc, mạch sạc, cơ cấu cân bằng, mạch phát tín hiệu cảnh báo (xem Hình 2). Đồng bộ kèm theo mỗi Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại có 01 thiết bị cảnh báo phát hiện đối tượng, thường được thiết kế dưới dạng đeo cổ tay (xem Hình 3). ✓



Hình 2 - Sơ đồ cấu tạo Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại



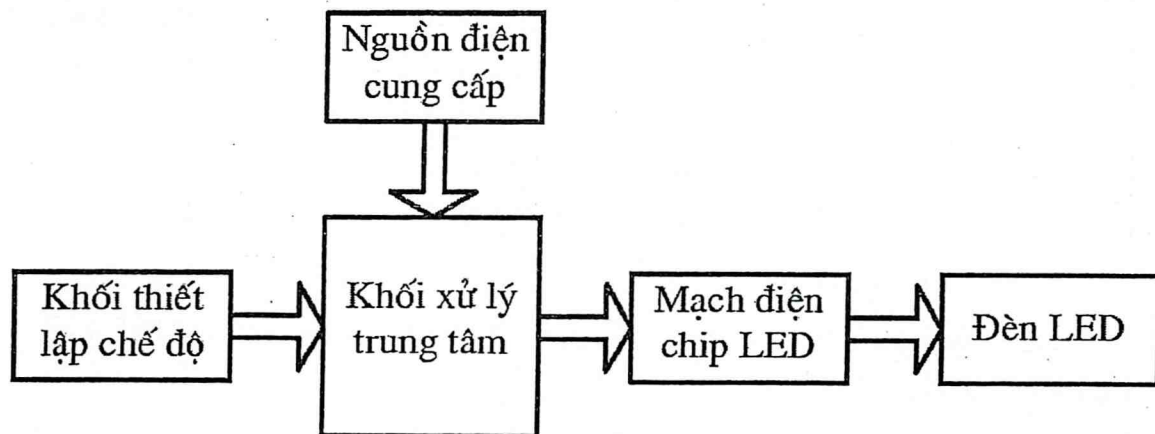
Hình 3 - Sơ đồ cấu tạo thiết bị cảnh báo phát hiện đối tượng

6.2. Nguyên lý hoạt động

6.2.1. Nguyên lý hoạt động của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ánh sáng trắng và ánh sáng xanh lá

Khối thiết lập chế độ nhận lệnh bật hoặc tắt Quả cầu chiếu sáng chiến thuật từ người sử dụng (thông qua ấn nút bật tắt trực tiếp trên quả cầu hoặc trên thiết bị điều khiển bật tắt từ xa) gửi tín hiệu về chế độ hoạt động đến khối xử lý

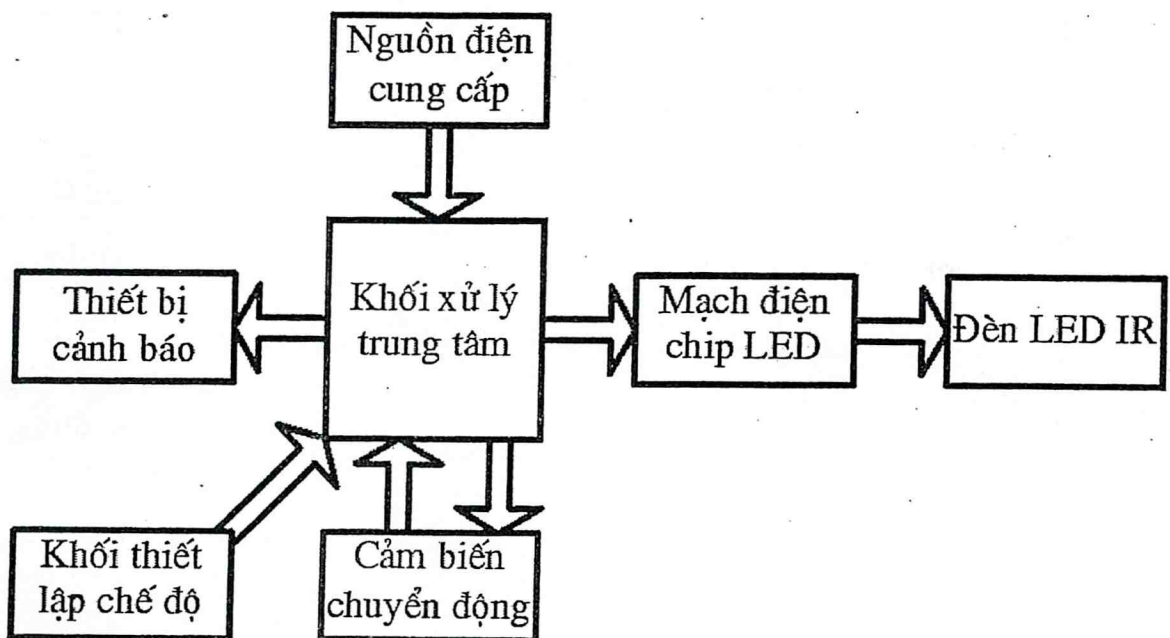
trung tâm. Khối xử lý trung tâm xử lý dữ liệu và gửi tín hiệu điều khiển đến khối mạch điện chip LED (điều khiển dòng điện cung cấp cho mạch điện chip LED với cường độ không đổi hoặc dưới dạng xung điện). Tín hiệu từ mạch điện chip LED được đưa sang khối mạch đèn LED. Dưới tác dụng của dòng điện, chất bán dẫn của đèn LED trao đổi điện tử và lỗ hổng và tạo ra các photon, đèn LED phát ra ánh sáng trắng hoặc ánh sáng xanh lá tương ứng với cấu tạo của đèn LED. Toàn bộ quá trình được cấp điện áp bởi khối nguồn điện cung cấp (xem Hình 4).



Hình 4 - Sơ đồ khối mô tả nguyên lý hoạt động của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật phát ánh sáng trắng và ánh sáng xanh lá

6.2.2. Nguyên lý hoạt động của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại

Nguyên lý hoạt động của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại theo sơ đồ khối như Hình 5.



Hình 5 - Sơ đồ khối mô tả nguyên lý hoạt động của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại

Khởi thiết lập chế độ nhận lệnh bật hoặc tắt Quả cầu chiếu sáng chiến thuật từ người sử dụng thông qua ấn nút bật tắt trực tiếp trên quả cầu hoặc trên thiết bị điều khiển bật tắt từ xa. Khởi thiết lập chế độ gửi tín hiệu về chế độ hoạt động của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại đến khối xử lý trung tâm. Khối xử lý trung tâm bật cảm biến chuyển động sang trạng thái hoạt động. Cảm biến chuyển động phát sóng ra môi trường xung quanh dưới dạng tia hồng ngoại hoặc sóng viba. Khi có người (đối tượng, con tin) xuất hiện trong phạm vi không gian hoạt động của cảm biến thì các tia/sóng này ngay lập tức sẽ bị tán xạ khiến cho cảm biến bị ngắt và tín hiệu sẽ được gửi đến khối xử lý trung tâm. Khối xử lý trung tâm gửi tín hiệu đến thiết bị cảnh báo phát hiện đối tượng, đồng thời gửi tín hiệu đến mạch điện chip LED dẫn đến các đèn LED IR phát tia hồng ngoại. Toàn bộ quá trình được cấp điện áp bởi khối nguồn điện cung cấp.

7. Yêu cầu kỹ thuật

7.1. Yêu cầu kỹ thuật đối với Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ánh sáng trắng và ánh sáng xanh lá

Yêu cầu kỹ thuật đối với Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ánh sáng trắng và ánh sáng xanh lá, đối với Thiết bị điều khiển bật tắt đèn từ xa được quy định trong Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1 - Yêu cầu kỹ thuật đối với Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ánh sáng trắng và ánh sáng xanh lá

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị tính	Yêu cầu
1	Yêu cầu kỹ thuật đối với Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ánh sáng trắng và ánh sáng xanh lá		
1.1	Đường kính	mm	$\leq 150,0$
1.2	Khối lượng (có cả pin)	g	$\leq 1\,000,0$
1.3	Công suất danh định	W	$\geq 30,0$
1.4	Công suất ban đầu	W	Giá trị trung bình đo được không được vượt quá 32,25. Giá trị đo được của tất cả các mẫu không được lớn hơn 33,0 nhưng không nhỏ hơn 27,0.
1.5	Quang thông danh định	lm	$\geq 500,0$

1.6	Quang thông ban đầu	lm	Giá trị trung bình đo được không được nhỏ hơn 462,5 và giá trị đo được của tất cả các mẫu phải lớn hơn hoặc bằng 450,0.
1.7	Hiệu suất năng lượng của các đèn LED	lm/W	≥ 90
1.8	Bước sóng ánh sáng xanh lá (bước sóng đỉnh của phổ)	nm	520 ± 30
1.9	Tần số chớp nháy của ánh sáng	lần/phút	(100 đến 700)
1.10	Nguồn điện cung cấp	V	(6 đến 20,7)
1.11	Dung lượng danh định của pin sạc C ₃	Ah	$\geq 1,0$
1.12	Thời gian hoạt động liên tục sau khi pin sạc đầy	h	$\geq 1,0$
1.13	Phạm vi hiệu lực ánh sáng	m	$\geq 15,0$
1.14	Thời gian bật đèn khi đặt hẹn giờ (đối với Quả cầu chiếu sáng chiến thuật bật tắt đèn bằng công tắc hẹn giờ)	s	(0 đến $\geq 30,0$)
1.15	Lực chịu nén của vỏ quả cầu	N	$\geq 5\ 000$
1.16	Cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài (mã IP)	-	IPX2
2	Yêu cầu kỹ thuật đối với Thiết bị điều khiển bật tắt đèn từ xa (đối với Quả cầu chiếu sáng chiến thuật bật tắt đèn bằng điều khiển từ xa)		
2.1	Kích thước Dài x Rộng x Dày	mm	$\leq 100 \times 70 \times 20$
2.2	Khối lượng (có cả pin)	g	$\leq 200,0$
2.3	Khoảng cách điều khiển	m	$\geq 20,0$
2.4	Cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài (mã IP)	-	IPX2
3	Hạn sử dụng	năm	≥ 3

7.2. Yêu cầu kỹ thuật đối với Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại và thiết bị cảnh báo

Yêu cầu kỹ thuật đối với Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại được z

quy định trong Bảng 2 dưới đây.

Bảng 2 - Yêu cầu kỹ thuật đối với Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị tính	Yêu cầu
1	Đường kính	mm	$\leq 150,0$
2	Khối lượng (có cả pin)	g	$\leq 900,0$
3	Tổng công suất phát xạ hồng ngoại của các đèn LED	mW	$\geq 1\,000,0$
4	Khoảng cách phát hiện đối tượng chuyển động	m	$\geq 2,0$
5	Nguồn điện cung cấp	V	(6 đến 18)
6	Dung lượng danh định của pin sạc C_3	Ah	$\geq 1,0$
7	Thời gian hoạt động liên tục sau khi pin sạc đầy	h	$\geq 1,0$
8	Lực chịu nén của vỏ quả cầu	N	$\geq 5\,000$
9	Cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài (mã IP)	-	IPX2
10	Hạn sử dụng	năm	≥ 3

Yêu cầu kỹ thuật đối với Thiết bị cảnh báo được quy định trong Bảng 3 dưới đây.

Bảng 3 - Yêu cầu kỹ thuật đối với thiết bị cảnh báo

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị tính	Yêu cầu
1	Khối lượng (có cả pin)	g	$\leq 200,0$
2	Dung lượng danh định của pin sạc C_3	Ah	$\geq 0,5$
3	Khoảng cách nhận tín hiệu cảnh báo phát hiện đối tượng	m	$\geq 20,0$
4	Cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài (mã IP)		IPX2
5	Hạn sử dụng	năm	≥ 3

8. Thử nghiệm

8.1. Điều kiện thử nghiệm

Nhiệt độ: $(20 \pm 5) ^\circ\text{C}$,

Độ ẩm: $(55 \pm 15) \% \text{RH}$.

8.2. Lấy mẫu

Số lượng mẫu lấy ngẫu nhiên trong lô hàng hoặc lô sản phẩm để thử

nghiệm là:

Lô nhỏ hơn 100 sản phẩm: lấy 01 mẫu,

Lô từ 100 đến 200 sản phẩm: lấy 02 mẫu,

Lô trên 200 sản phẩm: lấy 03 mẫu.

8.3. Phương pháp thử

8.3.1. Kiểm tra khả năng làm việc

Phương pháp kiểm tra: Sạc đầy pin cho các quả cầu. Kiểm tra các chức năng bật, tắt đèn, chức năng chớp nháy, chức năng rung phát hiện đối tượng.

Yêu cầu: Các chức năng của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hoạt động bình thường.

8.3.2. Đường kính

- Phương tiện đo: Thước cặp có dải đo từ (0 đến 200) mm, độ phân giải không lớn hơn 0,05 mm, sai số không lớn hơn 0,05 mm;

- Quy trình đo và ghi kết quả: Đo thông thường. Đặt Quả cầu chiếu sáng chiến thuật trên bàn phẳng ở vị trí cân bằng. Đo đường kính của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật. Lặp lại phép đo 05 lần tại 05 vị trí khác nhau. Kết quả là giá trị trung bình của 05 lần đo.

CHÚ THÍCH: Trường hợp bề mặt của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật có các mặt vát phẳng thì đo đường kính của mặt cầu ngoại tiếp bề mặt ngoài Quả cầu chiếu sáng chiến thuật.

8.3.3. Khối lượng (có cả pin)

- Phương tiện đo: Cân có dải đo từ (0 đến 2 000) g, độ phân giải không lớn hơn 5 g, sai số không lớn hơn 5 g.

- Quy trình đo và ghi kết quả: Đo thông thường. Cân thiết bị. Lặp lại phép đo 05 lần. Ghi kết quả là giá trị trung bình của 05 lần cân.

8.3.4. Công suất

Thực hiện theo mục 4.3.2, TCVN 11843: 2017 hoặc 8.1, TCVN 10886: 2015.

CHÚ THÍCH: Công suất phát xạ tổng cộng của các đèn LED của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại được quy định tại mục 8.3.17 của tiêu chuẩn này.

8.3.5. Quang thông

Thực hiện theo mục 6.2, TCVN 11843: 2017.

8.3.6. Hiệu suất năng lượng của các đèn LED

Thực hiện theo mục 6.4, TCVN 11843: 2017.

8.3.7. Bước sóng ánh sáng xanh lá (bước sóng đỉnh của phổ)

- Phương tiện đo: Máy đo bước sóng ánh sáng khả kiến, dải bước sóng rộng ✓

hơn dải từ 450 nm đến 600 nm, sai số không lớn hơn 1,0 nm.

- Quy trình đo và ghi kết quả:

+ Dùng băng dính đen dán kín các đèn LED, trừ đèn LED cần xác định bước sóng của đỉnh phổ. Bật máy đo bước sóng ánh sáng, bật đèn LED của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ánh sáng xanh lá. Đặt máy đo bước sóng ánh sáng sao cho cảm biến ánh sáng vuông góc với trục chính của chùm sáng và cách đèn LED từ 10 cm đến 30 cm. Ghi bước sóng của đỉnh phổ.

+ Tiếp tục thực hiện phép đo với các đèn LED còn lại.

8.3.8. Tần số chớp nháy của ánh sáng

- Phương tiện đo: Đồng hồ bấm thời gian độ phân giải không lớn hơn 0,01 s, sai số không lớn hơn 0,01 s.

- Quy trình đo và ghi kết quả: Bật Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ở chế độ sáng chớp nháy, sử dụng máy quay để quay 01 videoclip thời gian khoảng 1 min, mở lại đoạn videoclip và đếm số lần đèn chớp nháy (có thể dùng hiệu ứng phát chậm videoclip để đếm số lần chớp nháy chính xác hơn), tính số lần chớp nháy trong 1 min. Lặp lại phép đo 4 lần, ghi kết quả là giá trị trung bình của 5 lần đo.

8.3.9. Nguồn điện cung cấp

- Phương tiện đo: Vôn kế có độ phân giải 0,1 V, cấp chính xác 2,5.

- Quy trình đo và ghi kết quả: Pin sau khi được sạc đầy để ổn định trong thời gian 2 h ở điều kiện môi trường nhiệt độ $(20 \pm 5) ^\circ\text{C}$, độ ẩm $(55 \pm 15) \% \text{RH}$.

8.3.10. Dung lượng danh định của pin sạc C_3

- Phương tiện đo: Ampe kế có độ phân giải không cao hơn 0,01 A, cấp chính xác không lớn hơn 2,5; Vôn kế có độ phân giải không cao hơn 0,01 V, cấp chính xác không lớn hơn 2,5.

- Quy trình đo và ghi kết quả: Pin sau khi được sạc đầy, để ổn định trong thời gian 5 h ở điều kiện môi trường nhiệt độ từ $15 ^\circ\text{C}$ đến $35 ^\circ\text{C}$ và độ ẩm từ 25% đến 85%, được tiến hành thử nghiệm phóng điện với cường độ I_3 (mA) cho đến khi điện áp của pin sạc giảm đến điện áp ngưỡng theo quy định của nhà sản xuất. Ghi lại thời gian phóng điện t (h). Dung lượng đo được $C_3 = t \cdot I_3$ (mAh).

8.3.11. Thời gian hoạt động liên tục sau khi pin sạc đầy

- Phương tiện đo: Đồng hồ bấm thời gian, máy đo độ rọi ánh sáng, độ phân giải không lớn hơn 0,1 lx; thước đo chiều dài khoảng đo từ (0 đến 20) m, độ phân giải 0,01 m.

- Quy trình đo và ghi kết quả: Sạc đầy pin cho Quả cầu chiếu sáng chiến thuật, bật đèn ở chế độ sáng nhất. Để đèn hoạt động ổn định trong vòng 30 s. Đo đội

rọi của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ở khoảng cách 15 m. Sau đó tiếp tục cứ sau 5 min lặp lại phép đo độ rọi cho đến khi kết quả phép đo bằng hoặc nhỏ hơn 20 lx. Thời gian tính từ phép đo ban đầu đến phép đo cuối cùng là thời gian hoạt động liên tục sau khi sạc đầy ở chế độ sáng nhất.

8.3.12. Thời gian bật đèn khi đặt hẹn giờ đối với Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ánh sáng trắng và ánh sáng xanh lá

- Phương tiện đo: Đồng hồ bấm thời gian, khoảng đo từ (0 đến 1,0) min, độ phân giải 0,1 s.

- Quy trình đo và đánh giá:

- + Đặt thời gian hẹn bật đèn là 1 s. Người thử nghiệm đồng thời bật công tắc Quả cầu chiếu sáng chiến thuật và bấm nút đồng hồ đo thời gian. Ấn nút dừng đồng hồ khi đèn bật sáng. Yêu cầu: Đèn bật sáng và chênh lệch giữa thời gian đo được và thời gian hẹn bật đèn không quá 10%.

- + Lặp lại thử nghiệm với thời gian hẹn bật đèn lần lượt là 5 s, 10 s, 15 s, 20 s, 25 s, 30 s. Yêu cầu: Đèn bật sáng và chênh lệch giữa thời gian đo được và thời gian hẹn bật đèn không quá 10%.

8.3.13. Lực chịu nén của vỏ quả cầu

- Phương tiện đo: Máy đo kéo, nén phá hủy (Tensile Testing Machine).

- Quy trình đo và ghi kết quả: Bật chặt Quả cầu chiếu sáng chiến thuật lên Máy đo kéo, nén phá hủy; đặt máy ở chế độ nén, vận tốc nén không lớn hơn 10 mm/min. Đo lực nén lớn nhất trước khi mẫu bị phá hủy.

8.2.14. Cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài (mã IP)

Thực hiện theo mục 14 TCVN 4255:2008.

8.3.15. Kích thước của Thiết bị điều khiển từ xa

- Phương tiện đo: Thước cặp có dải đo từ 0 đến 300 mm, độ phân giải không lớn hơn 0,05 mm, sai số không lớn hơn 0,05 mm;

- Quy trình đo và ghi kết quả: Đo thông thường chiều dài, chiều rộng và chiều cao của Thiết bị điều khiển từ xa. Lặp lại phép đo 04 lần tại 04 vị trí khác nhau. Ghi kết quả là giá trị trung bình của 05 lần đo.

8.3.16. Khoảng cách điều khiển lớn nhất

- Phương tiện đo: Thước đo khoảng cách, dải đo từ (0 đến 20) m.

- Quy trình đo và ghi kết quả: Sạc đầy cho Quả cầu chiếu sáng chiến thuật và điều khiển bật tắt đèn từ xa. Người thử nghiệm đứng cách Quả cầu chiếu sáng chiến thuật một khoảng cách 20 m. Dùng điều khiển từ xa bật và tắt đèn.

- Yêu cầu: Đèn của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật bật và tắt khi ấn nút bật tắt điều khiển từ xa. 

8.3.17. Công suất phát xạ tổng cộng của các đèn LED của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại

- Phương tiện đo: Máy đo bức xạ dải rộng, dải bước sóng rộng hơn dải từ (750 đến 1000) nm, dải công suất rộng hơn dải từ 0 đến ít nhất 5 000 mW.

- Quy trình đo và ghi kết quả:

+ Dùng băng dính đen dán kín các đèn LED hồng ngoại, trừ đèn LED cần đo công suất bức xạ. Bật máy đo bước sóng ánh sáng, bật đèn LED của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại. Đặt máy đo bức xạ sao cho cảm biến bức xạ vuông góc với trục chính của chùm tia và cách đèn LED một khoảng nhỏ hơn 1,0 cm. Ghi kết quả đo công suất bức xạ hồng ngoại của đèn LED.

+ Tiếp tục thực hiện phép đo với các đèn LED còn lại.

+ Công suất phát xạ tổng cộng của các đèn LED của Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại bằng tổng các kết quả đo.

8.3.18. Khoảng cách Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại phát hiện đối tượng chuyển động

- Phương tiện đo: Thước đo khoảng cách, dải đo từ 0 đến 10 m.

- Quy trình đo và ghi kết quả: Sạc đầy cho Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại và thiết bị cảnh báo phát hiện đối tượng. Đặt Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại trên sàn, ở một phía của buồng đo. Người thử nghiệm đi bộ bình thường từ phía kia của buồng đo lại gần Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại cho đến khi thiết bị cảnh báo phát hiện đối tượng báo hiệu có chuyển động. Đánh dấu vị trí có tín hiệu cảnh báo. Tiếp tục đi bộ đến Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại sau đó đi bộ trở lại về vị trí xuất phát ban đầu, đánh dấu vị trí thiết bị cảnh báo phát hiện đối tượng thôi báo hiệu có chuyển động. Trong 2 vị trí thiết bị cảnh báo phát hiện đối tượng báo hiệu và thôi báo hiệu có chuyển động, chọn vị trí gần Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại hơn, đo khoảng cách từ vị trí này đến Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại. Lặp lại thử nghiệm 5 lần, lấy giá trị nhỏ nhất là khoảng cách Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại phát hiện đối tượng chuyển động.

8.3.19. Khoảng cách nhận tín hiệu cảnh báo phát hiện đối tượng

- Phương tiện đo: Thước đo khoảng cách, dải đo từ 0 đến tối thiểu 30 m, buồng đo hoặc mặt bằng đo chiều dài tối thiểu 30 m.

- Số người tham gia thử nghiệm: Tối thiểu 02 người.

- Quy trình đo và ghi kết quả: Người thử nghiệm thứ nhất đóng vai đối tượng, người thử nghiệm thứ hai đóng vai lực lượng chức năng cầm hoặc đeo thiết bị cảnh báo phát hiện đối tượng. Sạc đầy pin cho Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại và thiết bị cảnh báo phát hiện đối tượng. Đặt Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại trên sàn, cách người thử nghiệm thứ hai khoảng 30

m. Người thử nghiệm thứ nhất đi bộ bình thường qua lại cách Quả cầu chiếu sáng chiến thuật 1,0 m. Người thử nghiệm thứ hai đi bộ tới gần Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại cho đến khi thiết bị cảnh báo phát hiện đối tượng báo hiệu có chuyển động. Đo khoảng cách từ vị trí có tín hiệu cảnh báo đến Quả cầu chiếu sáng chiến thuật. Lặp lại thử nghiệm 5 lần, lấy giá trị nhỏ nhất là khoảng cách Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại phát hiện đối tượng chuyển động.

CHÚ THÍCH: Đối với các sản phẩm có giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) hoặc giấy chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp thì sử dụng số liệu ghi trên các giấy chứng nhận, không cần thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật được chứng nhận.

9. Ghi nhãn

9.1. Vị trí ghi nhãn

Nhãn của sản phẩm được dán, khắc hoặc in trực tiếp lên va ly, hộp đựng sản phẩm.

9.2. Nội dung nhãn

- Đối với sản phẩm sản xuất trong nước:

- + Tên sản phẩm: Quả cầu chiếu sáng chiến thuật,
- + Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất,
- + Kiểu loại sản phẩm,
- + Dấu hiệu phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn (nếu có),
- + Số hiệu tiêu chuẩn áp dụng: TCCS 126: 2024/BCA,
- + Số sê ri sản phẩm,
- + Thông số kỹ thuật cơ bản: Đường kính, khối lượng, số quả cầu, quang thông danh định (đối với Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ánh sáng trắng và ánh sáng xanh lá), công suất phát xạ hồng ngoại (đối với Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại),
- + Số hiệu lô hàng,
- + Khối lượng cả bao bì,
- + Thời gian sản xuất, hạn sử dụng.

- Đối với sản phẩm nhập khẩu:

Nhãn của sản phẩm nhập khẩu phải có tem nhãn phụ bằng tiếng Việt với các nội dung sau:

- + Tên sản phẩm: Quả cầu chiếu sáng chiến thuật
- + Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất 

- + Kiểu loại sản phẩm
- + Dấu hiệu phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn (nếu có)
- + Số hiệu tiêu chuẩn áp dụng
- + Số sê ri sản phẩm
- + Thông số kỹ thuật cơ bản: Đường kính, khối lượng, số quả cầu, quang thông (đối với Quả cầu chiếu sáng chiến thuật ánh sáng trắng và ánh sáng xanh lá), công suất phát xạ hồng ngoại (đối với Quả cầu chiếu sáng chiến thuật hồng ngoại)
- + Số hiệu lô hàng
- + Khối lượng cả bao bì
- + Thời gian sản xuất, hạn sử dụng
- + Xuất xứ hàng hóa
- + Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu

10. Bao gói

Quả cầu chiếu sáng chiến thuật sản xuất trong nước được đóng gói trong va ly chắc chắn, có sử dụng các vật liệu đệm lót mềm, giảm chấn và các biện pháp chống ẩm cho sản phẩm. Đối với Quả cầu chiếu sáng chiến thuật nhập khẩu, việc bao gói phải tuân thủ theo quy định của nhà sản xuất.

11. Vận chuyển

Trong quá trình vận chuyển, sản phẩm Quả cầu chiếu sáng chiến thuật phải được che đậy để tránh mưa nắng, chống va đập.

12. Bảo quản

Quả cầu chiếu sáng chiến thuật khi bảo quản trong kho phải được tháo pin sạc. Sản phẩm được bảo quản trong kho theo TCVN - AN 018:2012, Kho tổng hợp trong Công an nhân dân – Yêu cầu chung.

13. Tổ chức thực hiện

13.1. Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Tiêu chuẩn này.

13.2. Công an các đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân khi sản xuất, mua sắm, nhập khẩu, trang bị, trang cấp Quả cầu chiếu sáng chiến thuật phải tuân thủ các quy định trong Tiêu chuẩn này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an) để có hướng dẫn kịp thời./.

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6477/QĐ-BCA

Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Tiêu chuẩn cơ sở của Bộ Công an

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06/8/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Thông tư số 42/2021/TT-BCA ngày 19/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở trong Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 13/2023/TT-BCA, ngày 03/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2020/TT-BCA ngày 10/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành tiêu chuẩn, định mức trong CAND; Thông tư số 42/2021/TT-BCA, ngày 19/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở trong Công an nhân dân; Thông tư số 111/2021/TT-BCA, ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về xây dựng, ban hành; kiểm tra, xử lý; rà soát, hệ thống hóa; hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật trong Công an nhân dân;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an tại Công văn số 3675/V04-P2 ngày 28/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Tiêu chuẩn cơ sở của Bộ Công an (TCCS) sau đây:

1. TCCS 127: 2024/BCA Súng bắn đạn đa năng 38 mm
2. TCCS 128: 2024/BCA Đạn cao su, đạn cay 10,5 mm

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an và Công an các đơn vị, địa phương, các cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Công an các đơn vị, địa phương;
- Lưu: VT, V04(P2)



Thượng tướng Lương Tam Quang

CÔNG AN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 20 /SY-CAT-PV01

Nơi nhận:

- Công an các đơn vị, địa phương;
- Lưu: PV01(Pháp chế và QLKH).

SAO Y

Bình Định, ngày 25 tháng 12 năm 2024

**TL. GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Thượng tá Hồ Minh Tuấn

TCCS

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA BỘ CÔNG AN

TCCS 127:2024/BCA

Ban hành lần thứ nhất

SÚNG BÀN ĐÀN ĐA NĂNG 38 mm

Ký hiệu: SPL-TB.2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 667/2024/QĐ-BCA
ngày 05 tháng 09 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an)

Hà Nội - 2024

Tiêu chuẩn cơ sở của Bộ Công an TCCS 127:2024/BCA do Ban biên soạn (được thành lập theo Quyết định số 10/QĐ-TB-E112 ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thanh Bình – BCA, Cục Công nghiệp an ninh, Bộ Công an) biên soạn, Bộ Công an ban hành.

Tiêu chuẩn cơ sở của Bộ Công an TCCS 127:2024/BCA được ban hành kèm theo Quyết định số: 6.47.7/2024/QĐ-BCA ngày 05...tháng 9...năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an để thống nhất áp dụng.

m/v



SÚNG BẮN ĐẠN ĐA NĂNG 38 mm (Ký hiệu: SPL-TB.2024)

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định về yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, ghi nhãn, bao gói, bảo quản, vận chuyển và tổ chức thực hiện đối với Súng bắn đạn đa năng 38 mm.

2 Đối tượng áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng đối với Công an các đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan đến sản xuất, mua sắm, nhập khẩu, bảo quản, vận chuyển và sử dụng đối với Súng bắn đạn đa năng 38 mm trong Công an nhân dân.

3 Tài liệu viện dẫn

- a) Điều 59 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017;
- b) TCVN - AN 017:2012 Kho vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ trong CAND - Yêu cầu chung;
- c) TCCS-AN 03:2018 Súng phóng quả nổ;
- d) TCCS-AN 89:2021/BCA Đạn 38 mm – Đạn cao su, đạn cay nổ 2 lần;
- đ) TCQS 323:2012/TCCNQP Phương pháp kiểm tra độ cứng bằng máy đo độ cứng 600MRD;
- e) TCQS 373:2017/TCCNQP Phương pháp xác định vận tốc xuất phát và góc nâng của các loại tên lửa bằng camera tốc độ cao CamRecord hoặc thiết bị đo vận tốc DRS-1 đo vận tốc đầu đạn.

4 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong Tiêu chuẩn này sử dụng những thuật ngữ và định nghĩa sau:

4.1 Súng bắn đạn đa năng 38 mm là công cụ hỗ trợ dùng cho lực lượng Công an trong quá trình tấn công trấn áp đối tượng vi phạm nguy hiểm, giải tán đám đông tụ tập bất hợp pháp, biểu tình, bạo loạn. Súng bắn được các loại đạn 38 mm như: Đạn cao su; đạn cay khói; đạn cay nổ 2 lần.

4.2 Đạn cao liều là đạn cao su dùng để bắn kiểm tra độ bền của súng.

4.3 Tầm bắn gây đau đớn, uy hiếp của súng là tầm bắn mà khi bắn trúng đối tượng chỉ gây đau đớn mà không gây sát thương.

mh

[Signature]

4.4 Lô hàng hóa là các sản phẩm Súng bắn đạn đa năng 38 mm cùng kiểu, được xác định về số lượng, có cùng nội dung ghi nhãn, do một tổ chức sản xuất, nhập khẩu tại cùng một địa điểm.

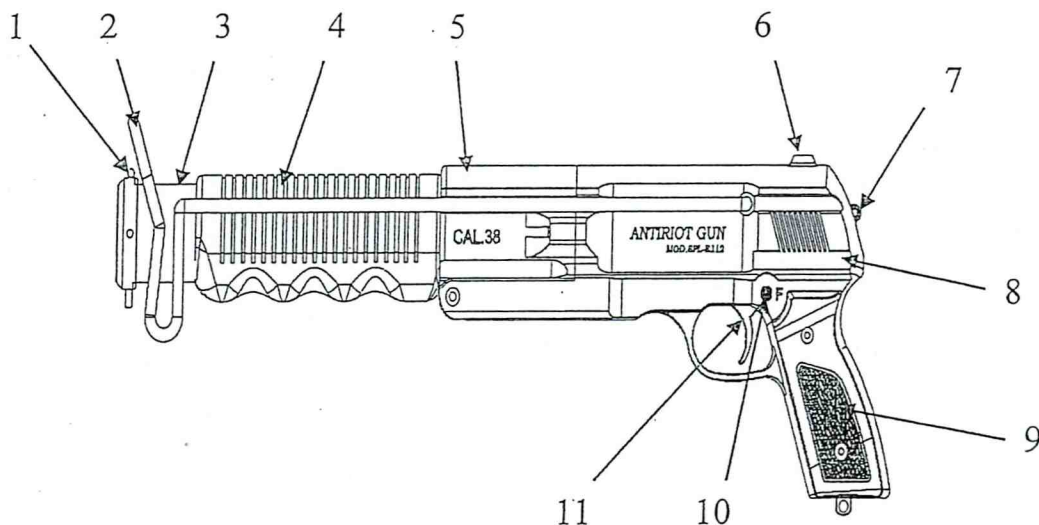
4.5 Lô sản phẩm là các sản phẩm Súng bắn đạn đa năng 38 mm cùng kiểu và được sản xuất cùng một đợt, trên cùng một dây chuyền công nghệ.

4.6 Mẫu thử là một số các chi tiết được gia công theo quy trình sản xuất đã xây dựng, tương đương với sản phẩm Súng bắn đạn đa năng 38 mm.

4.7 Tầm bắn hiệu quả là khoảng cách bắn lớn nhất mà xác suất đạn đến mục tiêu cần uy hiếp, trấn áp vẫn nằm trong phạm vi cho phép.

5 Cấu tạo

Cấu tạo cơ bản của Súng bắn đạn đa năng 38 mm



- | | |
|---------------|----------------------------|
| 1. Đầu ngắ; | 7. Khóa đóng mở buồng đạn; |
| 2. Thanh tỳ; | 8. Thân súng; |
| 3. Nòng súng; | 9. Ốp báng súng; |
| 4. Ốp tay; | 10. Khóa an toàn; |
| 5. Buồng đạn; | 11. Cò súng. |
| 6. Khe ngắ; | |

6 Yêu cầu

Yêu cầu kỹ thuật của Súng bắn đạn đa năng 38 mm được quy định trong Bảng dưới đây:

mm

Bảng: Yêu cầu kỹ thuật

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị tính	Yêu cầu
1	Chiều dài súng	mm	457 ± 2
3	Chiều cao súng	mm	194 ± 1
4	Chiều dày súng	mm	60 ± 1
5	Độ nhô kim hỏa	mm	$2,25 \pm 0.05$
6	Khối lượng súng không đạn	g	1.980 ± 2
7	Độ cứng các chi tiết:		
	Nòng súng (buồng chứa đạn)	HB	$75 \div 85$
	Thân súng	HB	$75 \div 85$
	Kim hỏa	HRC	$40 \div 45$
	Cò súng	HB	$75 \div 85$
	Búa súng	HRC	$40 \div 45$
8	Kiểm tra độ bền của súng (bắn kiểm bền bằng đạn cao liều, đạn cao liều là đạn cao su dùng cho súng sảy ở nhiệt độ $(50 \pm 5)^0 \text{C}$ trong thời gian 20 giờ)		Súng sau khi bắn kiểm bền, các chi tiết, bộ phận của súng không được hư hỏng, biến dạng, súng hoạt động tin cậy.
9	Vận tốc V5 (Đạn cao su 38mm); đo cách miệng nòng súng 5 m	m/s	95 ± 15
10	Độ xác định độ chụm (Bắn thử nghiệm bằng đạn cao su 38 mm; đếm số vết đạn cao su trên bia)		Đường kính vòng tròn tản mát (vòng tròn bao khu vực tập trung vết đạn trên bia) $\geq 50 \text{ cm}$
11	Tầm bắn hiệu quả	m	12
12	Tầm bắn gây đau đớn, uy hiếp	m	$10 \div 15$
13	Vật liệu thân súng, buồng đạn	-	Hợp kim nhôm hoặc các vật liệu khác có tính năng tương đương

7 Điều kiện thử nghiệm và lấy mẫu thử

7.1 Điều kiện thử nghiệm

- a) Nhiệt độ: $(25 \pm 5) ^\circ\text{C}$;
- b) Độ ẩm: $(65 \pm 10) \% \text{RH}$.

7.2 Lấy mẫu: Số lượng mẫu lấy ngẫu nhiên trong lô hàng hóa hoặc lô sản phẩm để thử nghiệm là:

- a) Lô nhỏ hơn 3000 sản phẩm, lấy 03 mẫu.
- b) Lô lớn hơn 3000 sản phẩm, lấy 05 mẫu.

8 Phương pháp đo, thử nghiệm

8.1 Đo các kích thước của súng không có đạn

a) Phương tiện đo: thước cặp điện tử hiển thị số có phạm vi đo từ 0 đến 500 mm, có độ chia 1 mm.

b) Quy trình đo và ghi kết quả: Đo thông thường; đặt khẩu súng trên mặt phẳng cân bằng hoặc cầm tay. Đo chiều dài, chiều cao, chiều dày, độ nhô kim hỏa của súng; lặp lại phép đo 5 lần. Kết quả là giá trị trung bình của 5 lần đo.

8.2 Khối lượng súng

a) Phương tiện đo: Cân điện tử có cấp chính xác 1 g, có phạm vi đo từ 0 đến 5 kg.

b) Quy trình đo và ghi kết quả: Đo thông thường; đặt khẩu súng trên mặt cân; lặp lại phép đo 5 lần. Kết quả là giá trị trung bình của 5 lần cân.

8.3 Đo độ cứng các chi tiết: Nòng súng, thân súng, kim hỏa, cò, búa

Thực hiện theo TCQS 323:2012/TCCNQP: Phương pháp kiểm tra độ cứng bằng máy đo độ cứng 600MRD;

8.4 Kiểm tra độ bền súng bắn đạn đa năng 38 mm

a) Phương pháp thực hiện: Sử dụng 03 khẩu Súng bắn đạn đa năng 38 mm để kiểm tra. Mỗi khẩu được bắn kiểm bền bằng 02 viên đạn cao liều được sấy ở nhiệt độ $(50 \pm 5) ^\circ\text{C}$ trong thời gian 20 giờ. Súng được cầm tay bắn trực tiếp.

b) Kết quả cần đạt: Súng sau khi bắn kiểm bền, các chi tiết, bộ phận của súng không được hư hỏng biến dạng, súng hoạt động tin cậy.

8.5 Kiểm tra vận tốc đạn cao su 38 mm

Theo TCQS 373:2017/TCCNQP: Phương pháp xác định vận tốc xuất phát và góc nâng của các loại tên lửa bằng camera tốc độ cao CamRecord hoặc thiết bị đo vận tốc DRS-1 đo vận tốc đầu đạn.

8.6 Kiểm tra xác định độ chụm

mhv



a) Phương pháp thực hiện

- Súng bắn đạn đa năng 38 mm được tỳ trên bệ tỳ bắn trực tiếp;
- Bia bắn là khổ giấy A0 đặt khổ dọc, bia đặt vuông góc nòng súng, cách miệng nòng 10 m;
- Bắn 03 bia, mỗi bia bắn 01 viên đạn cao su 38 mm (trong mỗi viên Đạn cao su 38 mm có 70 đến 72 viên bi cao su nhỏ có đường kính 10 mm), đếm số vết đạn cao su trên bia.

b) Kết quả cần đạt: Đường kính vòng tròn tản mát (vòng tròn bao khu vực tập trung vết đạn trên bia) ≥ 50 cm.

8.7 Bắn kiểm tra độ tin cậy, tầm bắn hiệu quả của súng

a) Phương pháp thực hiện

- Súng bắn đạn đa năng 38 mm được tỳ trên bệ tỳ bắn trực tiếp vào bia;
- Bia thịt lợn (da mỏng), kích thước 40x40 cm, quay mặt da về hướng bắn, đặt ở các cự ly 7 m, 10 m, 12 m, 15 m; mỗi cự ly bắn 01 viên;
- Bắn vào bia đảm bảo có đầu đạn cao su 38 mm trúng bia (trên phần da), kiểm tra vết đạn trên bia;

b) Kết quả cần đạt: Khi trúng bia (trên phần da), không thủng da và có vết đạn trên da (nhìn rõ bằng mắt thường).

8.8 Bắn xác định tầm bắn gây đau đớn, uy hiếp của súng

a) Phương án thực hiện

Súng bắn đạn đa năng 38 mm được tỳ trên bệ tỳ bắn trực tiếp, mỗi bia bắn 03 phát lần lượt bắn vào các bia: Bia vải phin có kích thước 1,5 x 1,5 m đặt cách miệng nòng 7 m; Bia bìa carton dày 5 mm, kích thước 1,5x1,5 m đặt cách miệng nòng 7 m; Bia bìa carton dày 1 mm, kích thước 1,5x1,5 m đặt cách miệng nòng 15 m;

b) Kết quả cần đạt:

- Không thủng bia vải phin;
- Thủng bia bìa carton dày 5 mm;
- Thủng bia bìa carton dày 1 mm;

Cảnh báo: Kết hợp kết quả ở các Mục 8.6 và 8.7. Không nên bắn súng ở cự ly dưới 7 m vì ở khoảng cách này dễ gây sát thương cho đối tượng khi bi cao su trúng vào vùng da hở của đối tượng.

9. Ghi nhãn

9.1 Vị trí ghi nhãn

Nhãn của sản phẩm được ghi trên vỏ thùng đựng súng.

9.2 Nội dung ghi nhãn

a) Đối với sản phẩm sản xuất trong nước, nhãn của Súng bắn đạn đa năng 38 mm bao gồm các thông tin tối thiểu sau:

- Tên sản phẩm: Súng bắn đạn đa năng 38 mm;
- Tên và địa chỉ của nhà sản xuất;
- Số hiệu tiêu chuẩn áp dụng: TCCS 127:2024/BCA;
- Số hiệu súng;
- Khối lượng sản phẩm;
- Số lô, tháng, năm sản xuất.

b) Đối với sản phẩm nhập khẩu, nhãn của Súng bắn đạn đa năng 38 mm phải có nhãn phụ bằng tiếng Việt bao gồm các thông tin tối thiểu sau:

- Tên sản phẩm: Súng bắn đạn đa năng 38 mm;
- Tên và địa chỉ của nhà sản xuất;
- Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân nhập khẩu;
- Số hiệu súng;
- Khối lượng sản phẩm;
- Số lô, tháng, năm sản xuất.

10 Bao gói

Súng bắn đạn đa năng 38 mm được bao gói theo quy cách của Nhà sản xuất.

11 Bảo quản

Súng bắn đạn đa năng 38 mm được bảo quản theo TCVN - AN 017:2012 Kho vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ trong CAND - Yêu cầu chung.

12 Vận chuyển

Súng bắn đạn đa năng 38 mm được vận chuyển theo quy định tại Điều 59 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017.

13 Tổ chức thực hiện

13.1 Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Tiêu chuẩn này.

13.2 Công an các đơn vị, địa phương; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến sản xuất, mua sắm, nhập khẩu, trang bị, trang cấp, bảo quản, vận chuyển Súng bắn đạn đa năng 38 mm trong Công an nhân dân phải tuân thủ các quy định trong Tiêu chuẩn này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an) để có hướng dẫn kịp thời./.

mr



TCCS

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA BỘ CÔNG AN

TCCS 128:2024/BCA

Ban hành lần thứ nhất

ĐẠN CAO SU, ĐẠN CAY 10,5 mm

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 697/2024/QĐ-BCA
ngày 05. tháng 12. năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an)*

Hà Nội – 2024

Lời nói đầu

Tiêu chuẩn cơ sở của Bộ Công an TCCS 128:2024/BCA do Ban biên soạn (được thành lập theo Quyết định số: 11/QĐ-TB-E112, ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thanh Bình – BCA, Cục Công nghiệp an ninh, Bộ Công an) biên soạn, Bộ Công an ban hành.

Tiêu chuẩn cơ sở của Bộ Công an TCCS 128:2024/BCA được ban hành kèm theo Quyết định số: 6977/2024/QĐ-BCA ngày 06... tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an để thống nhất áp dụng.



ĐẠN CAO SU, ĐẠN CAY 10,5 mm

1 Phạm vi điều chỉnh

Tiêu chuẩn này quy định về phân loại, cấu tạo, yêu cầu kỹ thuật, thử nghiệm, ghi nhãn, bao gói, bảo quản, vận chuyển và tổ chức thực hiện đối với Đạn cao su, đạn cay 10,5 mm.

2 Đối tượng áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng đối với Công an các đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan đến mua sắm, sản xuất, nhập khẩu, bảo quản, vận chuyển, trang bị và trang cấp đối với Đạn cao su, đạn cay 10,5 mm trong Công an nhân dân.

3 Tài liệu viện dẫn

- a) Phương pháp và yêu cầu kỹ thuật số 108/VVK-ĐNM do Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng (TCCNQP) – Bộ Quốc phòng ban hành ngày 30/3/2009;
- b) Điều kiện kỹ thuật dấu B; Quy trình công nghệ chế tạo dấu B và TCVN/QS 1966:2020;
- c) TCVN- AN 017:2012 Kho vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ trong CAND - Yêu cầu chung;
- d) TCVN 7699-2-30: 2007 Thử nghiệm môi trường – Phần 2-30: Các thử nghiệm – Thử nghiệm Db: Nóng ẩm, chu kỳ (chu kỳ 12h+12h).

4 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong Tiêu chuẩn này sử dụng những thuật ngữ và định nghĩa sau:

4.1 Đạn cao su, đạn cay 10,5 mm là sản phẩm đạn công cụ hỗ trợ được dùng để bắn cho các loại súng công cụ hỗ trợ như DKR-747, YSR 007.

4.2 Gờ đáy đạn là phần lắp hạt lửa và giúp cố định vỏ đạn.

4.3 Lô hàng hóa là các sản phẩm Đạn cao su, đạn cay 10,5 mm cùng kiểu, được xác định về số lượng, có cùng nội dung ghi nhãn, do một tổ chức sản xuất, nhập khẩu tại cùng một địa điểm.

4.4 Lô sản phẩm là các sản phẩm Đạn cao su, đạn cay 10,5 mm cùng kiểu và được sản xuất cùng một đợt, trên cùng một dây chuyền công nghệ.

4.5 Mẫu thử là các sản phẩm Đạn cao su, đạn cay 10,5 mm được lấy ngẫu nhiên trong lô hàng hóa hoặc lô sản phẩm để thử nghiệm.

4.6. Tầm bắn hiệu quả là khoảng cách bắn lớn nhất mà xác suất đạn đến mục tiêu cần uy hiếp, trấn áp vẫn nằm trong phạm vi cho phép.

mtu 

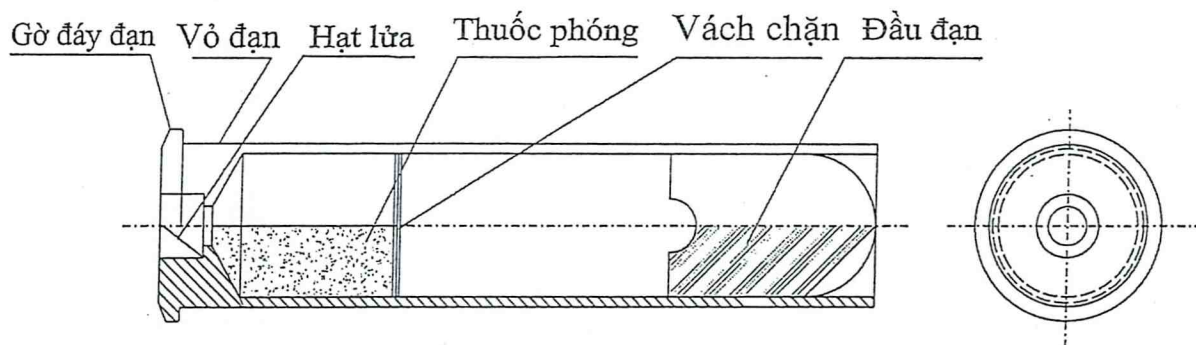
4.7 Thời gian phát khói cay: là khoảng thời gian đạn bắt đầu tạo ra khói đến khi tan hết khói, quan sát bằng mắt thường.

5 Phân loại, cấu tạo

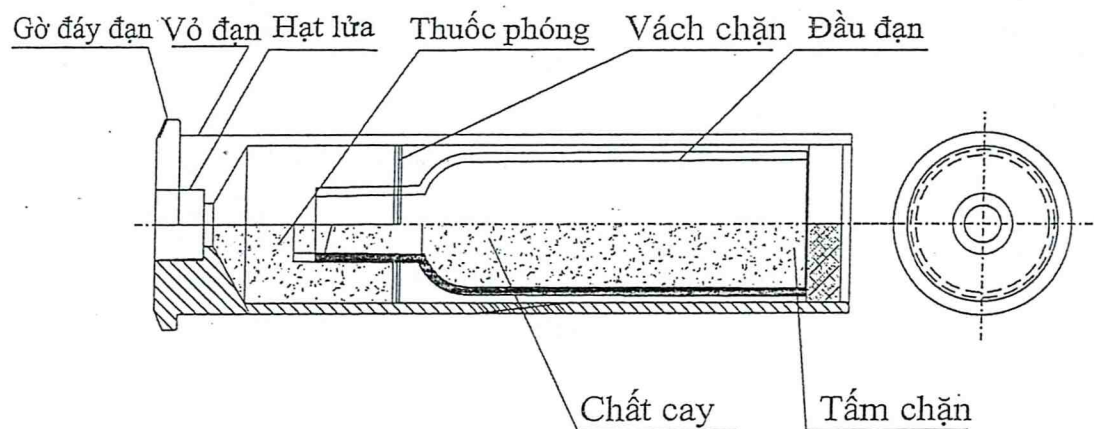
5.1 Phân loại

- a) Đạn cao su 10,5 mm (Hình 1).
- b) Đạn cay 10,5 mm (Hình 2).

5.2 Cấu tạo



Hình 1: Đạn cao su 10,5 mm



Hình 2: Đạn cay 10,5 mm

6 Yêu cầu

Yêu cầu kỹ thuật đối với Đạn cao su, đạn cay 10,5 mm được quy định trong Bảng 1 và Bảng 2 dưới đây:

mm

Bảng 1: Yêu cầu kỹ thuật đối với Đạn cao su 10,5 mm

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	ĐVT	Yêu cầu
1	Đường kính vỏ đạn ($\varnothing$)	mm	$10,5 \pm 0,1$
2	Đường kính gờ đáy đạn ($\varnothing$)	mm	$12,5 \pm 0,1$
3	Chiều dài viên đạn	mm	$41 \pm 0,1$
4	Đầu cao su (dài x $\varnothing$)	mm	$(19,8 \times 9,4) \pm 0,2$
5	Khối lượng viên đạn	g	$12 \pm 0,5$
6	Khối lượng đầu cao su	g	$1,75 \div 1,85$
7	Hạt lửa HLĐ-97		Phương pháp và yêu cầu kỹ thuật số: 108/VVK-ĐNM do TCCNQP ban hành ngày 30/3/2009
8	Liều phóng C-K59		Điều kiện kỹ thuật dấu B; Quy trình công nghệ chế tạo dấu B và TCVN/QS 1966:2020
9	Lực rút đầu đạn	N	$35 \div 45$
10	Độ cứng đầu cao su	Shore A	$75 \div 80$
11	Tầm bắn hiệu quả	m	$7 \div 12$
12	Độ chụm ($\varnothing$) nằm trong vòng tròn đường kính: - Cự ly 7 m - Cự ly 10 m - Cự ly 12 m	cm cm cm	≤ 25 ≤ 35 ≤ 45
13	Vận tốc đạn V1 (thiết bị đo đặt cách miệng nòng súng 1 m)	m/s	150 ± 20
14	Độ bền đầu đạn: đạn được sấy ở nhiệt độ $(50 \pm 5) ^\circ\text{C}$ trong thời gian 20 giờ		Sau khi bắn các đầu đạn không bị đứt, thủng, cháy, nứt
15	Thời hạn sử dụng (từ ngày sản xuất)	năm	05

mh 

Bảng 2: Yêu cầu kỹ thuật đối với Đạn cay 10,5mm

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	ĐVT	Yêu cầu
1	Đường kính vỏ đạn ($\varnothing$)	mm	$10,5 \pm 0,1$
2	Đường kính gờ đáy đạn ($\varnothing$)	mm	$12,5 \pm 0,1$
3	Chiều dài viên đạn	mm	$41 \pm 0,1$
4	Khối lượng viên đạn	g	$10,2 \pm 0,3$
5	Khối lượng hỗn hợp chất cay CS	g	$0,1 \pm 0,02$
6	Hạt lửa HLD-97		Phương pháp và yêu cầu kỹ thuật số: 108/VVK-ĐNM do TCCNQP ban hành ngày 30/3/2009
7	Liều phóng C-K59		Điều kiện kỹ thuật dấu B; Quy trình công nghệ chế tạo dấu B và TCVN/QS 1966:2020
8	Tầm bắn hiệu quả	m	$2,5 \div 4,0$
9	Bán kính tác dụng	m	$1,5 \div 2,0$
10	Thời gian phát khói cay	s	$30 \div 45$
11	- Khối lượng hỗn hợp chất:	g	$1,8 \div 2,0$
	- Hàm lượng chất cay:		
	+ Hợp chất cay (2-chlorobenzylidenemalononitrile)	%	$45 \div 50$
	+ Hợp phần bột độn	%	$50 \div 55$
12	Thời hạn sử dụng (từ ngày sản xuất)	năm	03

7 Điều kiện thử nghiệm và lấy mẫu thử nghiệm**7.1 Điều kiện thử nghiệm**a) Nhiệt độ: $(23 \pm 5) ^\circ\text{C}$;b) Độ ẩm: $(70 \pm 5) \%$.

mh



7.2 Lấy mẫu: Số lượng mẫu lấy ngẫu nhiên trong lô hàng hóa hoặc lô sản phẩm để thử nghiệm là:

a) Đối với Đạn cao su 10,5 mm

- Lô nhỏ hơn 50.000 sản phẩm, lấy 225 mẫu;

- Lô lớn hơn 50.000 sản phẩm, lấy 450 mẫu.

b) Đối với Đạn cay 10,5 mm

- Lô nhỏ hơn 50.000 sản phẩm, lấy 30 mẫu;

- Lô lớn hơn 50.000 sản phẩm, lấy 60 mẫu;

8 Phương pháp thử nghiệm Đạn cao su 10,5 mm

8.1 Đo đường kính, chiều dài viên đạn

- Phương tiện đo: Thước cặp điện tử hiển thị số có phạm vi đo từ 0 đến 200 mm, có độ chia 0,1 mm.

- Quy trình đo và ghi kết quả: Đo thông thường; đặt viên đạn trên mặt cân hoặc cầm tay. Đo đường kính, chiều dài viên đạn, lặp lại phép đo 5 lần. Kết quả là giá trị trung bình của 5 lần đo.

8.2 Khối lượng viên đạn

- Phương tiện đo: Cân điện tử có cấp chính xác 0,01 g, có phạm vi đo từ 0 đến 1 kg.

- Quy trình đo và ghi kết quả: Đo thông thường; đặt viên đạn trên mặt cân; lặp lại phép đo 5 lần. Kết quả là giá trị trung bình của 5 lần cân.

8.3 Hạt lửa HLD-97

Thực hiện theo Phương pháp và yêu cầu kỹ thuật số 108/VVK-ĐNM do TCCNQP ban hành ngày 30/3/2009.

8.4 Liều phóng C-K59

Thực hiện theo Điều kiện kỹ thuật dấu B; Quy trình công nghệ chế tạo dấu B và TCVN/QS 1966:2020.

8.5 Đo lực rút đầu đạn

a) Phương pháp thực hiện

- Đạn cao su 10,5 mm được giữ chắc vào đồ gá ở phần gờ đáy đạn;

- Cắm sâu móc rút đầu đạn vào đầu đạn;

- Lắp đạn và đồ gá vào máy đo lực, kéo đầu đạn ra khỏi vỏ liều, đo giá trị lực rút đầu đạn (Sơ đồ đo xem ở Phụ lục A).

b) Ghi kết quả: là giá trị trung bình của 5 lần đo.

8.6 Bắn xác định tầm bắn hiệu quả của đạn

8.6.1 Bắn kiểm tra độ tản mát của đầu đạn ở các cự ly 7 m, 10 m và 12 m

a) Phương pháp thực hiện

- Súng bắn đạn cao su 10,5 mm được gá trên bệ chuyên dùng hoặc cầm tay có bệ tỷ;

- Bia giấy hoặc bì carton kích thước khổ giấy A1 (594x841) mm, đặt cách miệng nòng ở cách khoảng cách 7 m, 10 m và 12 m;

- Mỗi khoảng cách bắn 03 lần; mỗi lần bắn 10 viên;

b) Kết quả cần đạt: Mỗi lần bắn có ít nhất 50 % phát đạn nằm trong vòng tròn đường kính $\varnothing$ 50 cm.

8.6.2 Bắn kiểm tra tác dụng của đầu đạn vào mục tiêu

a) Phương pháp thực hiện

- Súng bắn đạn cao su 10,5 mm được gá trên bệ chuyên dùng hoặc cầm tay có bệ tỷ;

- Bia thịt lợn (da mỏng), quay mặt da về hướng bắn, kích thước (40x40) cm, đặt cách miệng nòng ở cách khoảng cách 7 m, 10 m và 12 m;

- Mỗi khoảng cách bắn 01 lần 05 viên. Bắn vào mục tiêu đảm bảo có 03 viên đạn cao su 10,5 mm trúng bia (trên phần da).

b) Kết quả cần đạt: Khi đạn trúng bia (trên phần da), không thủng da và có vết đạn trên da (nhìn rõ bằng mắt thường).

* Để xác định tầm bắn hiệu quả cần kết hợp kết quả bắn ở mục (8.6.1) và mục (8.6.2). Tầm bắn hiệu quả là khoảng cách bắn lớn nhất mà xác suất đạn đến mục tiêu cần uy hiếp, trấn áp vẫn nằm trong phạm vi cho phép.

Cảnh báo: Không bắn ở khoảng cách dưới 5 m; vì ở khoảng cách này có thể gây nguy hiểm cho đối tượng cần trấn áp.

8.7 Bắn xác định độ chụm của đạn

a) Phương pháp thực hiện

- Súng bắn đạn cao su 10,5 mm được gá trên bệ chuyên dùng hoặc cầm tay có bệ tỷ. Bia giấy hoặc bì carton; kích thước khổ giấy A1 (594 x 841) mm, đặt cách miệng nòng ở khoảng cách 7 m, 10 m và 12 m. Mỗi cự ly bắn 03 lần, mỗi lần 05 viên, lấy lại đường ngắm sau mỗi phát bắn; bắn xác định độ chụm.

b) Kết quả cần đạt

- Đo độ chụm ở khoảng cách 7 m, yêu cầu: 100 % số viên đạn (trong nhóm bắn 05 viên) nằm trong vòng tròn có đường kính $\leq \varnothing$ 25 cm;

- Đo độ chụm ở khoảng cách 10 m, yêu cầu: 100% số viên đạn (trong nhóm bắn 05 viên) nằm trong vòng tròn có đường kính $\leq \varnothing$ 35 cm.

mm



- Đo độ chụm ở khoảng cách 12 m, yêu cầu: 100% số viên đạn (*trong nhóm bắn 05 viên*) nằm trong vòng tròn có đường kính $\leq \varnothing 45$ cm.

8.8 Bắn đo vận tốc đầu đạn

a) Phương pháp thực hiện

- Súng bắn đạn cao su 10,5 mm được gá trên bệ chuyên dùng hoặc cầm tay có bệ tỷ.

- Đo vận tốc đầu đạn bằng ra đa thuật phóng hoặc bằng thiết bị đo vận tốc DRS-1. Bắn 01 nhóm 20 viên đo vận tốc V1 (vận tốc của đầu đạn ở cự ly cách miệng nòng súng 1 m);

b) Ghi kết quả: vận tốc V1 của đạn cao su 10,5 mm là kết quả trung bình của 20 lần bắn.

8.9 Bắn kiểm tra độ bền đầu đạn

a) Phương pháp thực hiện

- Súng đa năng được gá trên bệ chuyên dùng hoặc cầm tay có bệ tỷ;
- Bia giấy khổ A0 đặt cách miệng nòng 7 m để kiểm tra số vết đạn trên bia; bia vải phin kích thước (2x2) m đặt cách miệng nòng 12 m để hứng đầu đạn.

- Đạn được sấy ở nhiệt độ $(50 \pm 5) ^\circ\text{C}$ trong thời gian 20 giờ, bắn 10 phát.

b) Kết quả cần đạt: Các đầu đạn do bia vải phin hứng được không bị đứt, thủng, cháy, nứt.

8.10 Thử nghiệm thời hạn sử dụng đạn

a) Phương pháp thực hiện

- Dùng tủ khí hậu tiến hành thử nghiệm môi trường nóng ẩm;
- Đạn cao su 10,5 mm được bao gói, bảo quản như trong điều kiện sử dụng, đưa vào thử nghiệm trong tủ khí hậu.

- Tiến hành thử 05 chu kỳ nóng ẩm, mỗi chu kỳ 24 giờ theo TCVN 7699-2-30: 2007 (*mỗi chu kỳ tương đương với 01 năm bảo quản trong điều kiện bình thường*). Tiến hành theo chế độ nhiệt độ và độ ẩm trong chu kỳ nóng ẩm của TCVN 7699-2-30:2007;

b) Kết quả cần đạt: Đạn cao su 10,5 mm đã thử môi trường để kiểm tra; Đạn phải nổ 100%; tầm bắn hiệu quả, độ chụm tương đương với đạn không thử môi trường.

9 Phương pháp thử nghiệm Đạn cay 10,5 mm

9.1 Đo đường kính, chiều dài viên đạn

- Phương tiện đo: Thước cặp điện tử hiển thị số có phạm vi đo từ 0 đến 200 mm, có độ chia 0,1 mm.

- Quy trình đo và ghi kết quả: Đo thông thường; đặt viên đạn trên mặt cân hoặc cầm tay. Đo đường kính, chiều dài viên đạn, lặp lại phép đo 5 lần. Kết quả là giá trị trung bình của 5 lần đo.

9.2 Khối lượng viên đạn

- Phương tiện đo: Cân điện tử có cấp chính xác 0,01 g, có phạm vi đo từ 0 đến 1 kg.

- Quy trình đo và ghi kết quả: Đo thông thường; đặt viên đạn trên mặt cân; lặp lại phép đo 5 lần. Kết quả là giá trị trung bình của 5 lần cân.

9.3 Hạt lửa HLD-97

Thực hiện theo Phương pháp và yêu cầu kỹ thuật số: 108/VVK-ĐNM do TCCNQP ban hành ngày 30/3/2009.

9.4 Liều phóng C-K59

Thực hiện theo Điều kiện kỹ thuật dấu B; Quy trình công nghệ chế tạo dấu B và TCVN/QS 1966:2020.

9.5 Thử nghiệm tầm bắn hiệu quả, bán kính tác dụng, thời gian phát khói cay của đạn

a) Phương pháp thực hiện

- Súng bắn đạn cao cay 10,5 mm được cầm tay bắn trực tiếp;
- Dùng 04 cọc (có đế để đặt trên nền bê tông) căng dây 3 mặt bao quay luồng khói cay khi bắn đạn cay 10,5 mm (*Sơ đồ đo xem ở Phụ lục B*);
- Quay camera xác định tầm bắn hiệu quả, bán kính tác dụng của đạn cay.

b) Ghi kết quả: tầm bắn hiệu quả, bán kính tác dụng của đạn cay, thời gian khói cay. Tầm bắn hiệu quả là khoảng cách bắn lớn nhất mà xác suất đạn đến mục tiêu cần uy hiếp, trấn áp vẫn nằm trong phạm vi cho phép.

9.6 Đo hàm lượng nồng độ chất cay CS

Thực hiện theo Phương pháp phân tích: Quan sát trực tiếp, cân phân tích, chiết tách, UV-Vis, HPLC.

9.7 Thử nghiệm thời hạn sử dụng đạn

- Dùng tủ khí hậu tiến hành thử nghiệm môi trường nóng ẩm;
- Đạn cay 10,5 mm được bao gói, bảo quản như trong điều kiện sử dụng, đưa vào thử nghiệm trong tủ khí hậu.

- Tiến hành thử 03 chu kỳ nóng ẩm, mỗi chu kỳ 24 giờ theo TCVN 7699-2-30: 2007 (*mỗi chu kỳ tương đương với 01 năm bảo quản trong điều kiện bình thường*). Tiến hành theo chế độ nhiệt độ và độ ẩm trong chu kỳ nóng ẩm của TCVN 7699-2-30:2007;

b) Kết quả cần đạt: Dừng đạn cay 10,5 mm đã thử môi trường để kiểm tra; Đạn phải nổ 100%; tầm bắn hiệu quả, bán kính tác dụng tương đương với đạn không thử môi trường.

10 Ghi nhãn

10.1 Vị trí ghi nhãn

Nhãn của sản phẩm được ghi trên vỏ thùng, vỏ hộp đựng đạn.

10.2 Nội dung ghi nhãn

a) Đối với sản phẩm sản xuất trong nước, nhãn của Đạn cao su, đạn cay 10,5 mm bao gồm cả

c thông tin tối thiểu sau:

- Tên sản phẩm: Đạn cao su 10,5 mm hoặc Đạn cay 10,5 mm;
- Tên và địa chỉ của nhà sản xuất;
- Số hiệu tiêu chuẩn áp dụng: TCCS 128: 2024/BCA;
- Khối lượng sản phẩm;
- Số lô, tháng, năm sản xuất;
- Hạn sử dụng.

b) Đối với sản phẩm nhập khẩu, nhãn của Đạn cao su, đạn cay 10,5 mm phải có tem phụ bằng tiếng Việt bao gồm các thông tin tối thiểu sau:

- Tên sản phẩm: Đạn cao su 10,5 mm hoặc Đạn cay 10,5 mm;
- Tên và địa chỉ của nhà sản xuất;
- Tên nước sản xuất;
- Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân nhập khẩu;
- Khối lượng sản phẩm;
- Số lô, tháng, năm sản xuất;
- Hạn sử dụng.

11 Bao gói

Đạn cao su, đạn cay 10,5 mm được bao gói theo quy cách của Nhà sản xuất.

12 Bảo quản

Đạn cao su, đạn cay 10,5 mm được bảo quản trong kho theo tiêu chuẩn TCVN- AN 017:2012 Kho vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ trong CAND - Yêu cầu chung.

13 Vận chuyển

Đạn cao su, đạn cay 10,5 mm được vận chuyển theo quy định tại Điều 59 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017.

14 Tổ chức thực hiện

14.1 Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Tiêu chuẩn này.

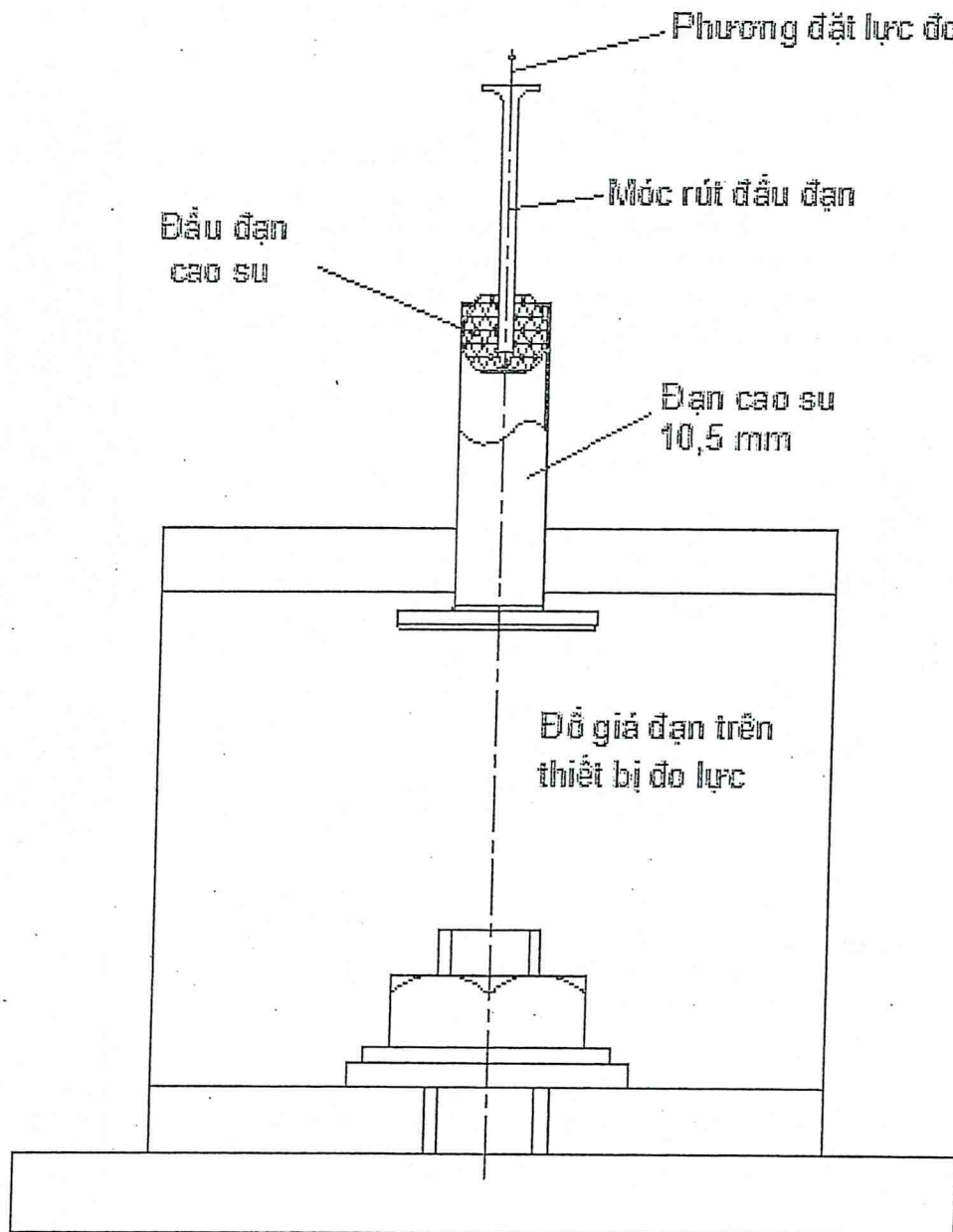
14.2 Công an các đơn vị, địa phương; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến sản xuất, mua sắm, nhập khẩu, trang bị, trang cấp, bảo quản, vận chuyển Đạn cao su, đạn cay 10,5 mm trong Công an nhân dân phải tuân thủ các quy định trong Tiêu chuẩn này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an) để có hướng dẫn kịp thời./

nh *luc* *uc*

Phụ lục A

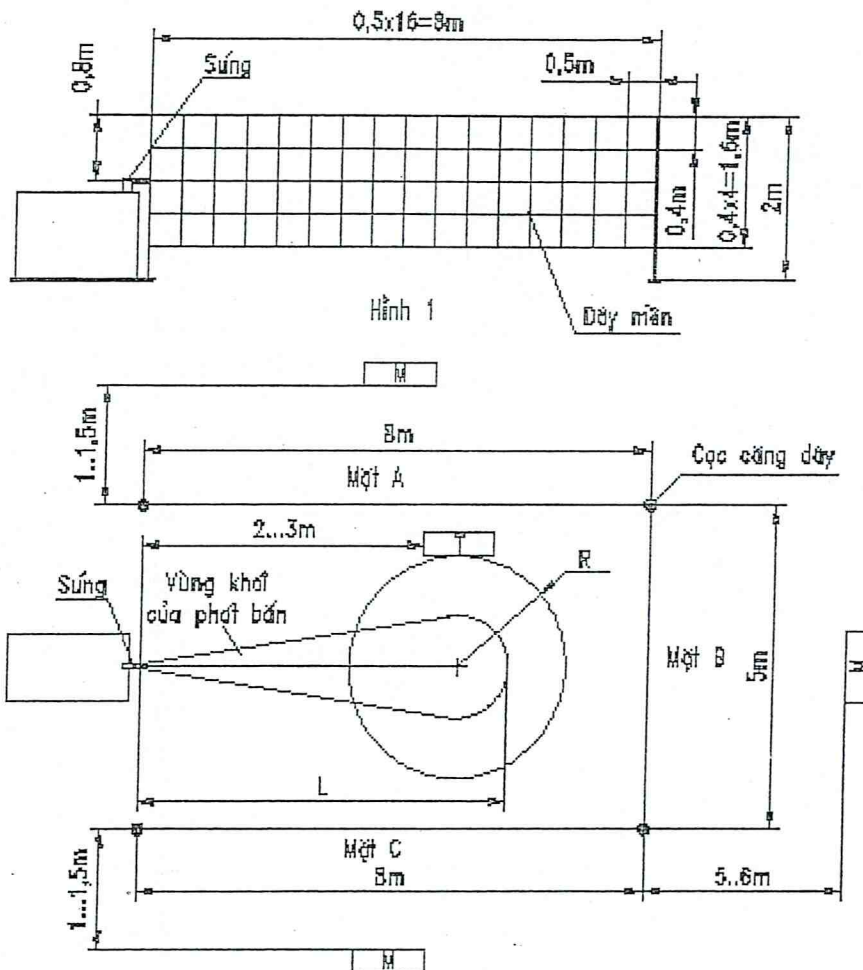
MÔ HÌNH THỬ NGHIỆM ĐO LỰC RÚT ĐẦU ĐẠN ĐẠN CAO SU 10,5 mm



mvr

Phụ lục B

**SƠ ĐỒ THỬ NGHIỆM XÁC ĐỊNH TẦM BẮN HIỆU QUẢ,
BÁN KÍNH TÁC DỤNG ĐẠN CAY 10,5 mm**



Trong đó: L- Tầm bắn hiệu quả; R- Bán kính tác dụng của đạn cay; M- Vị trí quay camera.

Phương pháp thử nghiệm:

- Các mặt A, B, C được căng dây mền theo quy cách ở hình trên, qua 4 cọc căng dây (Cọc có đế nặng để được trên nền bê tông);
- Súng bắn thử nghiệm được cầm tay;
- Quay camera quá trình bắn (đứng ở vị trí M);
- Xác định tầm bắn hiệu quả L của đạn cay qua hình ảnh quay camera (xác định kích thước qua các ô dây của các mặt trên hình quay được);
- Xác định bán kính tác dụng R của đạn cay bằng thử tác dụng của chất cay tại vị trí T./.

mm

Số: 7179/QĐ-BCA

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Tiêu chuẩn cơ sở của Bộ Công an

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06/8/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Thông tư số 42/2021/TT-BCA ngày 19/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở trong Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 13/2023/TT-BCA, ngày 03/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2020/TT-BCA ngày 10/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành tiêu chuẩn, định mức trong CAND; Thông tư số 42/2021/TT-BCA, ngày 19/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở trong Công an nhân dân; Thông tư số 111/2021/TT-BCA, ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về xây dựng, ban hành; kiểm tra, xử lý; rà soát, hệ thống hóa; hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật trong Công an nhân dân;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an tại Tờ trình số 4141/V04-P2 ngày 27/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Tiêu chuẩn cơ sở của Bộ Công an (TCCS) sau đây:

TCCS 129: 2024/BCA Cửa buồng giam - Phần 1: Cửa đi

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an và Công an các đơn vị, địa phương, các cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Công an các đơn vị, địa phương;
- Lưu: VT, V04(P2).

BỘ TRƯỞNG



Thượng tướng Lương Tam Quang

CÔNG AN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 21 /SY-CAT-PV01

Nơi nhận:

- Công an các đơn vị, địa phương;
- Lưu: PV01(Pháp chế và QLKH).

SAO Y
Bình Định, ngày 25 tháng 12 năm 2024

TL. GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Hồ Minh Tuấn

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CỦA BỘ CÔNG AN

TCCS 129: 2024/BCA

Ban hành lần thứ nhất

CỬA BUỒNG GIAM - PHẦN 1: CỬA ĐI

(Kèm theo Quyết định số 7173/2024/QĐ-BCA ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an)

Hà Nội - 2024

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn cơ sở của Bộ Công an TCCS ~~129~~: 2024/BCA do Ban biên soạn tiêu chuẩn được thành lập tại Quyết định số 180/QĐ-H08-BBS ngày 25/7/2023 của Cục trưởng Cục Công nghiệp an ninh biên soạn Bộ Công an ban hành.

Tiêu chuẩn cơ sở của Bộ Công an TCCS ~~129~~: 2024/BCA được ban hành kèm theo Quyết định số: ~~7179~~/2024/QĐ-BCA ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an để thống nhất áp dụng. 

CỬA BUỒNG GIAM – PHẦN 1: CỬA ĐI

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định phân loại, cấu tạo, yêu cầu kỹ thuật, thử nghiệm, ghi nhãn, bao gói, bảo quản, vận chuyển và tổ chức thực hiện đối với Cửa buồng giam - Cửa đi.

2. Đối tượng áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng đối với Công an các đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân liên quan đến mua sắm, sản xuất, trang cấp, bảo quản, tổ chức thực hiện, vận chuyển Cửa buồng giam - Cửa đi thuộc Bộ Công an quản lý.

3. Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết khi áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn có ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN 1765: 1975 Thép cacbon kết cấu thông thường - Mác thép và yêu cầu kỹ thuật.

TCVN 5761: 1993 Khóa móc treo cầu cong và cầu ngang - Yêu cầu kỹ thuật.

TCVN 7790-1: 2007 (ISO 2859-1:1999) Quy trình lấy mẫu để kiểm tra định tính - Phần 1: Chương trình lấy mẫu được xác định theo giới hạn chất lượng chấp nhận (AQL) để kiểm tra từng lô.

TCVN 5401: 2010 Thử phá hủy môi hàn vật liệu kim loại - Thử uốn.

TCVN 8785: 2011 Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại - Phương pháp thử trong điều kiện tự nhiên.

TCVN-AN 018: 2012 Kho tổng hợp trong Công an nhân dân - Yêu cầu chung.

4. Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

4.1. Cửa đi là cửa dùng lắp đặt ở vị trí lối ra, vào của buồng giam trong nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam thuộc Bộ Công an quản lý, nhằm đảm bảo an toàn trong việc giam giữ.

4.2. Cửa đi một cánh là loại cửa có một cánh mở ra ngoài buồng giam, kiểu bản lề, có khóa cửa và chốt khóa cửa nằm ngang.

4.3. Cửa đi hai cánh là loại cửa có hai cánh mở ra ngoài buồng giam, kiểu bản lề, có khóa cửa và chốt khóa cửa nằm ngang, chốt khóa cửa nằm dọc chôn xuống nền để giữ cố định một cánh.

4.4. Lô hàng là tập hợp các sản phẩm cửa đi được xác định về số lượng, có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật, của cùng một



cơ sở sản xuất.

4.5. Lô sản phẩm là tập hợp sản phẩm cửa đi cùng loại, có cùng kiểu dáng, tính năng, chất lượng và được sản xuất trên cùng dây chuyền công nghệ, trong cùng một khoảng thời gian nhất định.

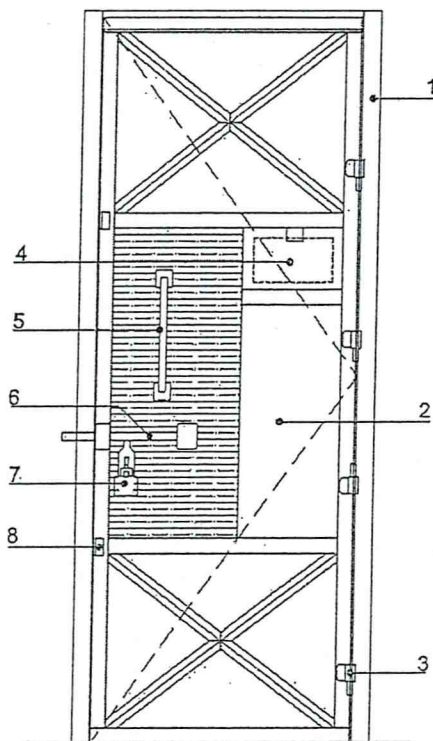
5. Phân loại

Theo chức năng sử dụng mà Cửa buồng giam - Cửa đi được phân chia thành hai loại như sau:

- Cửa buồng giam - Cửa đi một cánh (ký hiệu là ĐG1);
- Cửa buồng giam - Cửa đi hai cánh (ký hiệu là ĐG2).

6. Cấu tạo

6.1. Cấu tạo của Cửa buồng giam - Cửa đi một cánh (ĐG1) gồm các bộ phận chính như hình minh họa sau:



Hình 1: Cấu tạo cơ bản Cửa buồng giam - Cửa đi một cánh (ĐG1)

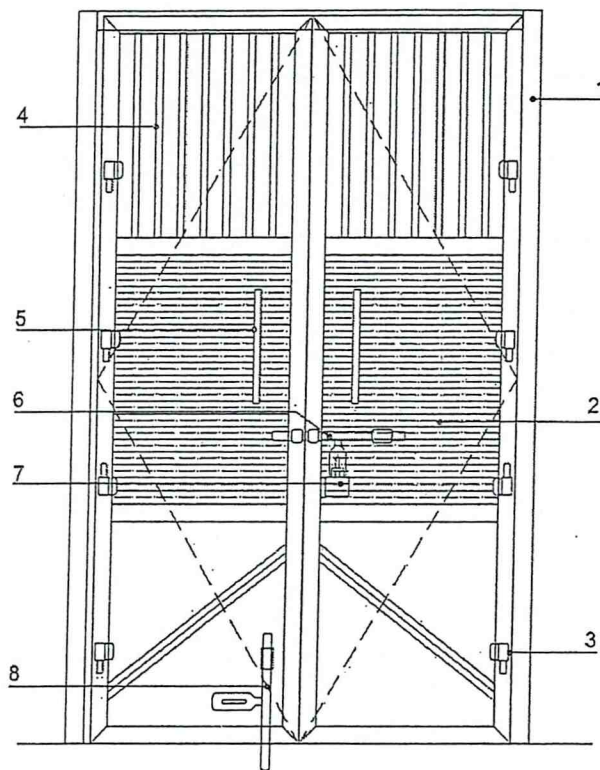
Chú dẫn:

1. Khuôn cửa;
2. Cánh cửa;
3. Bản lề;
4. Cửa quan sát và đưa com;
5. Tay nắm;
6. Chốt cửa nằm ngang;
7. Khóa cửa;
8. Móc khóa.

mbw

Tiến

6.2. Cấu tạo của Cửa buồng giam - Cửa đi hai cánh (ĐG2) gồm các bộ phận chính như hình minh họa sau:



Hình 2: Cấu tạo cơ bản Cửa buồng giam - Cửa đi hai cánh (ĐG2)

Chú dẫn:

1. Khuôn cửa;
2. Cánh cửa;
3. Bản lề;
4. Song cửa;
5. Tay nắm;
6. Chốt cửa nằm ngang;
7. Khóa cửa;
8. Chốt cửa chôn xuống nền.

Chú thích: Cấu tạo chi tiết Cửa buồng giam - Cửa đi một cánh, cửa đi hai cánh xem thêm ở thiết kế kỹ thuật, tiên lượng dự toán mẫu công trình giam giữ trong Công an nhân dân do Bộ Công an ban hành năm 2019 kèm theo.

7. Yêu cầu kỹ thuật

Yêu cầu kỹ thuật đối với Cửa buồng giam - Cửa đi được quy định như sau:

[Signature]

nhv *Tru*

TT	Loại cửa	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu kỹ thuật	Biên độ	Ghi chú
1	ĐG1, ĐG2	Khuôn cửa		Thép CT38 hoặc các vật liệu có thành phần hóa học và tính chất cơ lý tương đương		Theo thiết kế kỹ thuật, công trình giám giữ trong Công an nhân dân do Bộ Công an ban hành năm 2019.
2		Cánh cửa		Thép CT38 hoặc các vật liệu có thành phần hóa học và tính chất cơ lý tương đương		
3		Lực phá hủy bản lề	kN	A = 60	±10%	TCVN 5401:2010
4		Lực phá hủy tay chốt khóa	kN	A = 16		
5		Lực phá hủy mối hàn	kN	A = 69		
6		Lực bẫy cong vênh	kN	A = 77		
7	ĐG2	Lực phá hủy song sắt cửa	kN	A = 49		

m/v

Tg

8	ĐG1, ĐG2	Lớp sơn bề mặt		Theo TCVN 8785:2011, Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại-phương pháp thử trong điều kiện tự nhiên		
9		Khóa cửa		Theo TCVN 5761:1993, Khóa móc treo cầu cong và cầu ngang - Yêu cầu kỹ thuật		

8. Phương pháp thử

8.1. Điều kiện thử nghiệm

- Nhiệt độ: $(20 \pm 5) ^\circ\text{C}$;
- Độ ẩm: $(65 \pm 15) \% \text{RH}$.

8.2. Lấy mẫu thử nghiệm:

- Số lượng lấy mẫu kiểm tra chất lượng theo TCVN 7790-1:2007 (ISO 2859-1:1999), phương án lấy mẫu một lần trong kiểm tra thông thường, bậc kiểm tra đặc biệt S-4;

- Nếu lấy mẫu một lần có chỉ tiêu không đạt thì tiến hành lấy mẫu lần thứ hai với số lượng gấp đôi. Nếu kết quả thử nghiệm lần hai đạt thì ghi kết luận đạt theo xác suất công bố trong TCVN 7790-1:2007 (ISO 2859-1:1999);

- Nếu kết quả thử nghiệm lần hai không đạt thì ghi kết luận không đạt.

8.3. Đo kiểm tra các thông số

8.3.1. Thiết bị, dụng cụ thử nghiệm:

Sử dụng máy thử kéo nén 100 tấn, độ phân giải 0,1 kN và các thiết bị phụ trợ.

8.3.2. Cách tiến hành:

Cửa buồng giam - Cửa đi ĐG1 và ĐG2 được áp dụng theo phương pháp thử nghiệm trong TCVN 5401:2010 về thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn và đo trực tiếp:

- Lực phá hủy bản lề: 





- Lực phá hủy tay chốt khóa;
- Lực phá hủy song sắt cửa;
- Lực bẩy cong vành cửa (Lực phá hủy tai khóa);
- Lực phá hủy mối hàn cửa (mối hàn giữa tâm thép và khung, xương);
- Lớp sơn bề mặt: Theo TCVN 8785:2011 Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại
- Phương pháp thử trong điều kiện tự nhiên;
 - Khóa cửa: Theo TCVN 5761:1993 Khóa móc treo cầu cong và cầu ngang
 - Yêu cầu kỹ thuật.

9. Ghi nhãn

9.1. Nội dung nhãn với sản phẩm trong nước:

Cửa buồng giam - Cửa đi được sản xuất trong nước có nhãn bao gồm các thông tin tối thiểu sau đây:

- Tên hàng hóa;
- Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất;
- Số hiệu tiêu chuẩn áp dụng: TCCS 129:2024/BCA;
- Thông số kỹ thuật cơ bản: Khối lượng tổng cộng, kích thước dài, rộng, cao, độ dày;
- Số lô hàng hóa;
- Thời gian bảo hành;
- Tháng, năm sản xuất.

9.2. Nội dung nhãn đối với sản phẩm nhập khẩu

Sản phẩm nhập khẩu phải có nhãn phụ bằng tiếng Việt, ghi tối thiểu các thông tin sau đây:

- Tên hàng hóa;
 - Tên và địa chỉ của nhà sản xuất;
 - Tên nước sản xuất;
 - Tên và địa chỉ tổ chức, cá nhân nhập khẩu;
 - Số hiệu tiêu chuẩn do nhà sản xuất công bố áp dụng;
 - Thông số kỹ thuật cơ bản: Khối lượng tổng cộng, kích thước dài, rộng, cao, độ dày;
 - Số lô hàng hóa;
 - Thời gian bảo hành;
 - Tháng, năm sản xuất. 
-  

10. Bao gói

Cửa buồng giam - Cửa đi sản xuất trong nước được đóng gói trong thùng carton 3 lớp. Bên ngoài thùng có in tên sản phẩm, ký mã hiệu, khối lượng tổng cộng, chiều dài, chiều rộng, chiều cao, độ dày, năm sản xuất và tên đơn vị sản xuất.

11. Vận chuyển

Trong quá trình vận chuyển, Cửa buồng giam - Cửa đi cần được xếp đặt có kê đệm, giằng néo và che chắn đảm bảo khi vận chuyển.

12. Bảo quản

Cửa buồng giam - Cửa đi phải được bảo quản trong kho theo TCVN-AN 018:2012 Kho tổng hợp trong Công an nhân dân - Yêu cầu chung.

13. Tổ chức thực hiện

13.1. Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Tiêu chuẩn này.

13.2. Công an các đơn vị, địa phương, các cơ quan, cá nhân liên quan đến sản xuất, mua sắm, nhập khẩu, trang bị, trang cấp sử dụng cửa đi phải tuân thủ các quy định trong tiêu chuẩn này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an) để có hướng dẫn kịp thời. /

Trần
Minh

Tài liệu tham khảo

[1] Quyết định số 1278/QĐ-H02-P5 ngày 06/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc phê duyệt và ban hành thiết kế kỹ thuật, tiên lượng dự toán mẫu công trình giam giữ trong Công an nhân dân do Bộ Công an ban hành năm 2019.

[2] Quyết định số 3806/QĐ-V04 ngày 20/9/2023 Quyết định về việc ban hành các biểu mẫu và yêu cầu về thể thức trình bày trong xây dựng TCCS của Bộ Công an.

[3] TCVN 9366-2: 2012 Cửa đi, cửa sổ - Phần 2: Cửa kim loại. ll

Tuế